

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2021**



Số 87 đường Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
www.lhc.com.vn

MỤC LỤC

I
THÔNG TIN CHUNG

II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

III
BÁO CÁO CỦA BAN Tổng Giám đốc

IV
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V
QUẢN TRỊ CÔNG TY

VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Tên tiếng Anh : Lam Dong Investment and Hydraulic Construction Joint Stock Company

Mã cổ phiếu : LHC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : số 5800000424 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17/09/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp (cấp lần đầu ngày 27/07/2000).


Vốn điều lệ : 72.000.000.000 đồng

Số điện thoại : 0263 3821 854

Số fax : 0263 3832 542

Website : www.lhc.com.vn

Trụ sở chính : Số 87, đường Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Logo : 



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

Công ty Xây dựng Thủy lợi được thành lập, tiền thân là Đội công trình trực thuộc Công ty Thủy Lợi là Công ty hạch toán độc lập, lực lượng lao động tập trung từ lực lượng thanh niên xung phong xây dựng vùng kinh tế mới.

1981

Đổi tên thành Xí nghiệp Xây dựng Công trình Thủy lợi trực thuộc Liên hiệp của Xí nghiệp Thủy lợi Lâm Đồng.

1993

Xí nghiệp Xây dựng Công trình Thủy lợi chuyển thành Công ty Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng.

2000

Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty Cổ phần theo Quyết định chuyển DNNN Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 Lâm Đồng thành Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng số 82/2000/QĐ-UB ngày 27/06/2000.

2003

Công ty tăng vốn điều lệ lên 4 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược.

2007

Công ty tăng vốn điều lệ lên 10 tỷ đồng thông qua hình thức thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1/1,5055.

2020

Công ty tăng vốn điều lệ lên 72 tỷ đồng thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

2019

Công ty chuyển trụ sở chính sang số 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

2015

Công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ đồng.

2013

Công ty chính thức trở thành Công ty mẹ của Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng với tỷ lệ nắm giữ 55,16%.

2010

Công ty chính thức niêm yết 2 triệu cổ phần tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2008

Công ty tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đối tác chiến lược và đấu giá ra công chúng.

2021

Công ty tiếp tục nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến để đảm bảo hoàn thành và bàn giao các công trình đã cam kết với chủ đầu tư.



GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

- Bộ Tài chính tặng bằng khen đã có thành tích chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế 2010
- Bộ Xây dựng tặng Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam năm 2010 cho Công trình Hồ chứa nước Ka La, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao cúp một trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất năm 2015 -2016

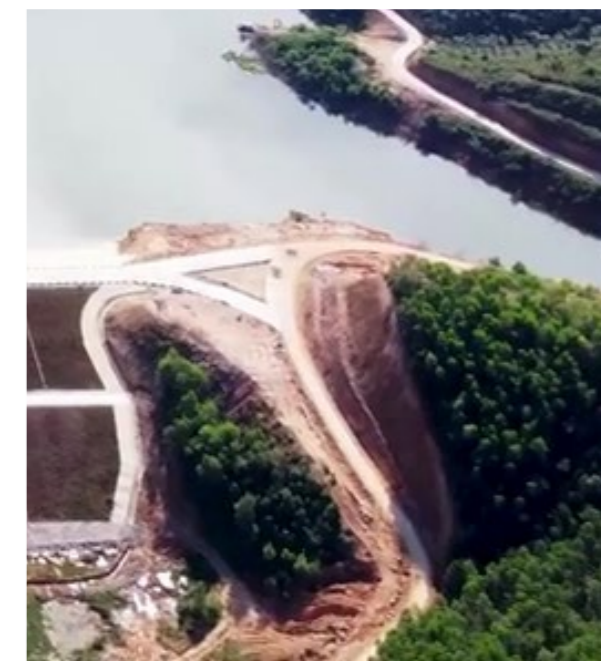
 **Ngành nghề kinh doanh**

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước.
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa và dung dịch các loại.
- Khai thác, chế biến khoáng sản.
- Hoạt động xuất nhập khẩu.
- Trồng rừng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê.

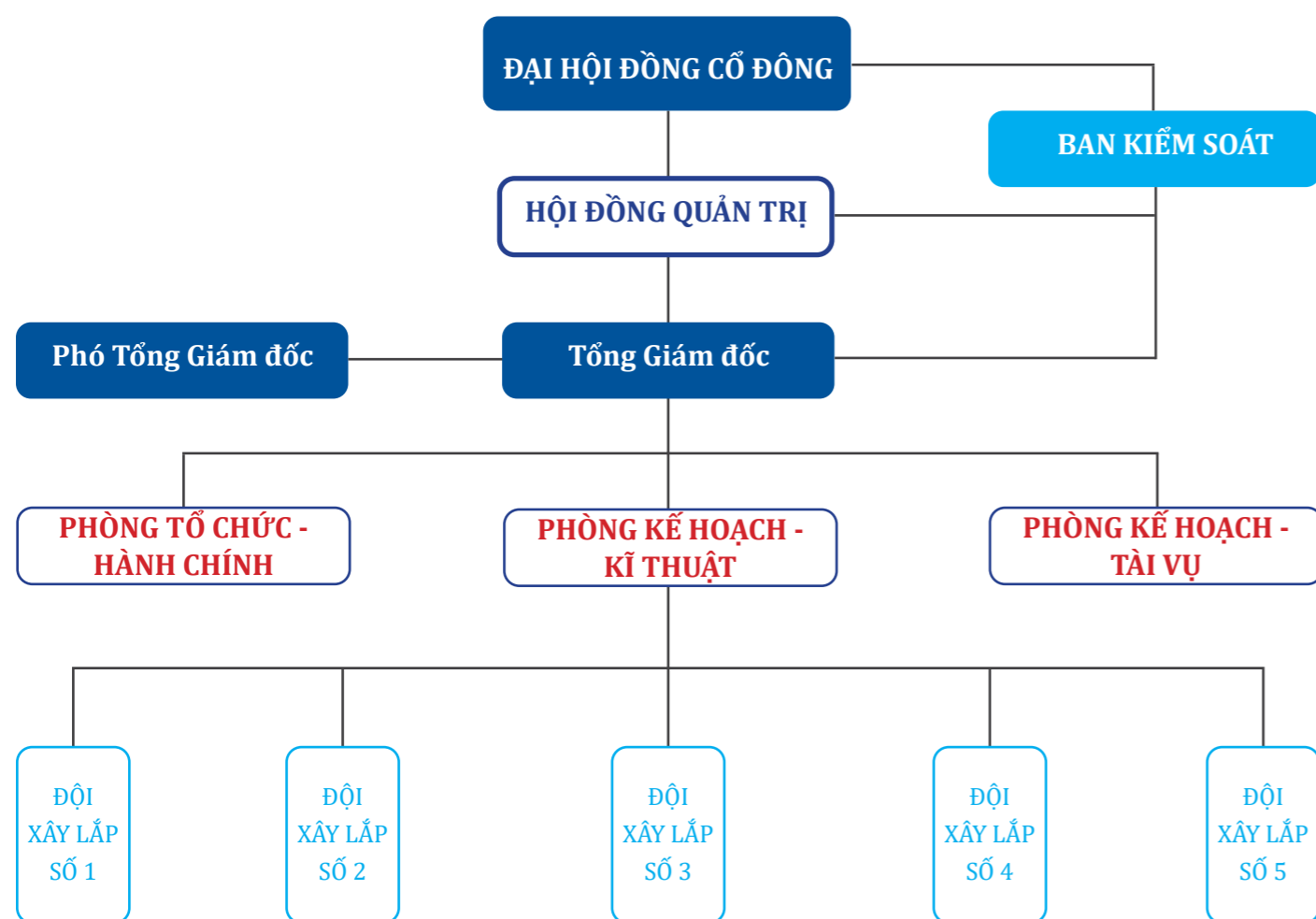


 **Địa bàn kinh doanh**

Doanh nghiệp hoạt động trên phạm vi cả nước.



Bộ máy quản trị



Công ty con, Công ty liên kết

STT	Thông tin	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2021 (đồng)	Tỷ lệ vốn góp
Công ty con sở hữu trực tiếp				
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng <i>Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng</i>	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	100.000.000.000	64,9%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 <i>Địa chỉ: 201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh</i>	Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt	36.000.000.000	51%
Công ty sở hữu gián tiếp				
1	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành <i>Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng</i>	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	12.600.000.000	93,6%
2	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát <i>Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng</i>	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	5.000.000.000	100%
3	Công ty TNHH Một Thành Viên Bê tông LBM Đắk Nông <i>Địa chỉ: Thôn 12, xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông</i>	Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt	50.000.000.000	100%

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban Tổng Giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- **Ban kiểm soát:** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Tâm nhìn

- Tiếp tục phát huy thế mạnh trong lĩnh vực kinh doanh chính là xây lắp thủy lợi, thủy điện đồng thời mở rộng các hoạt động sản xuất, kinh doanh qua các Công ty con; đem lại lợi ích tối ưu cho khách hàng, đối tác và cổ đông.
- Nâng cao năng lực quản trị, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để gia tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ.
- Nâng cao năng lực tài chính để đảm bảo nền tảng tài chính vững mạnh, chủ động về nguồn vốn đầu tư các dự án thủy lợi, thủy điện trọng điểm trên phạm vi toàn quốc.
- Xây dựng Công ty trở thành thương hiệu uy tín trên thị trường, vừa “chất lượng cho mọi công trình” vừa cạnh tranh về giá, dịch vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Sứ mệnh

- Phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp phát triển cơ sở hạ tầng hàng thủy lợi hàng đầu Việt Nam.
- Đặt mục tiêu chung tay và đóng góp cho cộng đồng, xã hội trong khả năng cao nhất của Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tối đa hóa năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Mở rộng hợp tác đầu tư, liên kết và định hướng phát triển đa ngành nghề với quy mô lớn mạnh.
- Nâng cao năng lực quản lý thiết bị: Công tác bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên, quản lý công tác sửa chữa, đảm bảo hoạt động hiệu quả, an toàn, tiết kiệm.
- Đầu tư vào các công nghệ tiên tiến, các máy móc, thiết bị hiện đại giúp tăng năng lực thi công cũng như hiệu quả lao động của công nhân viên.
- Tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư các dự án có vốn nước ngoài để nâng cao giá trị và thể hiện khả năng hoạt động của Công ty.
- Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh chính vào TP. Hồ Chí Minh, vùng phụ cận và miền Tây Nam bộ, định hướng Công ty cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40 sẽ sáp nhập với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng nhằm tăng nguồn vốn chủ sở hữu, tăng quy mô, kinh nghiệm, ngành nghề.



Các mục tiêu phát triển bền vững

Đối với xã hội và cộng đồng

- Nhằm tiếp tục duy trì vị thế là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu lĩnh vực xây dựng thủy lợi tại Việt Nam, LHC từng bước đổi mới theo hướng thông minh, đa dụng, đa mục tiêu trong hoạt động kinh doanh sản xuất; đặc biệt chú trọng về đảm bảo an toàn, an ninh nguồn nước.
- Tuân thủ quy trình khai thác, các quy tắc an toàn trong hoạt động đáp ứng nhu cầu về thu nhập, đời sống và môi trường làm việc cho người lao động; tạo điều kiện thu hút người lao động có trình độ và tay nghề cao và giữ vững đội ngũ công nhân viên hiện tại với mục tiêu đảm bảo phát triển bền vững của Công ty.
- Xây dựng công tác bảo vệ môi trường, tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện và từ thiện đối với cộng đồng và toàn xã hội.
- Công ty chú trọng nâng cao hình ảnh của mình thông qua các kênh thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh và truyền hình địa phương khi tổ chức các sự kiện quan trọng.



Đối với môi trường

- Đảm bảo công tác bảo vệ môi trường và các nguyên tắc an toàn lao động tại công trình thi công; xây dựng môi trường làm việc an toàn, xanh, sạch và hiệu quả.
- Sử dụng vật liệu, công nghệ an toàn, thân thiện, không gây ô nhiễm môi trường.
- Sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như năng lượng, nước sinh hoạt, tránh lãng phí, lãng phí.
- Thực hiện các công tác dọn, rửa vệ sinh của các phương tiện cũng như máy móc trong quá trình thực hiện các dự án
- Xử lý chất thải từ các công trình đúng với luật quy định tránh gây ô nhiễm cho môi trường, cộng đồng.



Rủi ro kinh tế

Theo Tổng cục thống kê, kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng 2,58% trong năm nay và dự kiến đạt 6,5% vào năm 2022. Tăng trưởng đã phục hồi trong nửa đầu năm 2021, chủ yếu do lưu lượng thương mại tăng cao, nhưng đã chậm lại trong nửa cuối năm do làn sóng thứ tư của đại dịch ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và thị trường lao động. Việt Nam giữ lạm phát ở mức 2,2% vào năm 2021, thấp hơn so với dự báo trước đó là 2,8%, nhưng dự báo cho năm 2022 được điều chỉnh lên 3,8% do dự kiến sẽ tiếp tục có biến động giá cả trên thế giới và những tác động từ lạm phát gia tăng ở các nền kinh tế tiên tiến.

Nền kinh tế Việt Nam đang lấy lại đà phục hồi mạnh mẽ khi bước vào năm 2022 - năm có ý nghĩa quan trọng để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025. Trong tiến trình ấy, đầu tư công sẽ phải tiếp tục đóng vai chủ chốt, dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội và là “cú hích” cho phục hồi kinh tế.

Ngay những ngày đầu năm 2022 (11/1), gói chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã được Quốc hội thông qua, trong đó, tập trung khá lớn vào đầu tư công. Việc xác định hỗ trợ doanh nghiệp và các thành phần kinh tế qua đầu tư công một quan điểm tương đối mới. Đây là phương thức hỗ trợ để chú trọng đến hiệu quả và chất lượng của vốn đầu tư và đòi hỏi cả xã hội phải chuyển đổi nhận thức, tư duy về kinh tế cũng như cách tiếp cận vấn đề.

Đi kèm với những lợi ích đến từ tăng trưởng kinh tế và chính sách quản lý vĩ mô thì vẫn còn khá nhiều khó khăn thách thức mà các doanh nghiệp thuộc ngành xây dựng thủy lợi nói chung và LHC nói riêng phải đối mặt. Mặc dù vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Rủi ro pháp luật

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty. Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, hiện vẫn được Nhà nước hỗ trợ theo cơ chế mức hỗ trợ không vượt giá tối đa do Bộ Tài chính quy định, mà giá tối đa lại phụ thuộc ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Công ty hoạt động dưới hình thức CTCP, là doanh nghiệp niêm yết trên sàn HNX nên hoạt động sản xuất kinh doanh của LHC chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách khác bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đấu thầu, chính sách thuế...Việc xây dựng một hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học cũng sẽ giúp Công ty hoạt động một cách hiệu quả, đảm bảo giảm thiểu rủi ro về mặt quản trị xuống thấp nhất.



Rủi ro kinh doanh

Chủ trương của Chính phủ là chuyển từ cơ chế thủy lợi phí sang cơ chế giá cho hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi có thể xem là bước đột phá, coi sản phẩm dịch vụ thủy lợi là hàng hóa kinh tế và phải quản lý theo cơ chế giá.

Việc đổi cách tiếp cận trong hoạt động cung cấp dịch vụ thủy lợi từ “phục vụ” sang “dịch vụ” sẽ cải thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ thủy lợi, đáp ứng nhu cầu đa dạng của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ, giúp nâng cao hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp. Quan trọng hơn nữa là thúc đẩy xã hội hóa, khuyến khích tư nhân, cộng đồng tham gia quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, áp dụng các công nghệ mới trong sản xuất và quản lý, nhằm sử dụng tiết kiệm nguồn nước.



Rủi ro giá nguyên vật liệu

Công ty chủ yếu tập trung kinh doanh vào mảng xây dựng, thi công công trình, và xây lắp thủy lợi; nên chi phí hoạt động chính của Công ty phụ thuộc giá đầu vào của các nguyên vật liệu, đặc biệt là thép và xi măng. Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, chi phí thép chiếm 12 - 16% tổng chi phí xây dựng công trình. Nếu giá thép xây dựng tăng 10%, giá thành xây dựng các công trình sẽ tăng thêm 1%.

Các loại vật liệu xây dựng hiện đang tăng giá mạnh theo giá xăng dầu cũng như chịu tác động bởi tình hình địa chính trị thế giới có những diễn biến khó lường. Điều này đã tác động trực tiếp tới giá thành xây dựng các công trình, dự án đầu tư,...



Hơn nữa, đà tăng giá của giá thép có thể chưa dừng lại khi nhu cầu sử dụng thép sẽ tăng mạnh trong thời gian tới khi các bộ, ngành, địa phương triển khai gói hỗ trợ phục hồi kinh tế gần 350 nghìn tỉ đồng, đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, hàng loạt công trình xây dựng mới được triển khai.

Để giảm thiểu rủi ro sự thay đổi chênh lệch về giá cả và nguồn cung ứng nguyên vật liệu, Ban lãnh đạo LHC chủ động nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên theo dõi sát sao hàng tồn kho và đánh giá các biến động về giá thị trường của vật liệu xây dựng. Công ty cần linh hoạt trong việc tìm kiếm các nhà cung cấp thích hợp, cũng như chủ động đàm phán và ký kết các hợp đồng xây dựng dài hạn để duy trì lượng tồn kho hợp lý và ổn định.

Rủi ro lãi suất và tín dụng

Chủ động trong chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ nền kinh tế sau đại dịch Covid-19 là việc đã được nhiều nước thực hiện và Việt Nam không phải là ngoại lệ. Một loạt lãi suất điều hành đã được Ngân hàng Nhà nước liên tục hạ từ đầu năm.

Nguồn vốn đầu tư cho các công trình thủy lợi khá lớn. Trong đó gồm vốn ngân sách trung ương, tỉnh, địa phương là chủ yếu. Các dự án công trình thủy lợi là lĩnh vực rất khó huy động xã hội hóa.

Để thực hiện kinh doanh, doanh nghiệp phải huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó một lượng vốn lớn được tài trợ từ vốn vay ngân hàng. Việc giảm lãi suất, giảm phí, cơ cấu lại nợ theo Thông tư 14/2021/TT-NHNN sẽ giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn, phục hồi và tăng trưởng. Đây là dấu hiệu tích cực cho LHC trong việc tận dụng môi trường đầu tư với nguồn vốn rẻ.

Rủi ro cạnh tranh

Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cho các công trình công nên để có được dự án thi công, Công ty phải tham gia đấu thầu. Việc này cho thấy việc cạnh tranh với các Công ty cùng ngành đòi hỏi ở Công ty cần có tiềm lực tốt, hoàn thiện mọi mặt.

Công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả công trình thủy lợi. Công ty phải có mô hình quản lý, khai thác tốt, phù hợp quy định của pháp luật và phát huy tốt hiệu quả công trình thủy lợi. Công tác tác thủy lợi chuyển dần sang cơ chế thị trường. Giai đoạn 2021-2025, Bộ Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn sẽ đưa vào đấu thầu dịch vụ khai thác công trình thủy lợi.

Công ty luôn luôn cẩn trọng với rủi ro cạnh tranh bằng việc thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường, cập nhật những thay đổi về nhu cầu và thị hiếu của khách hàng, đồng thời không ngừng đổi mới công nghệ, chất lượng phục vụ để luôn luôn là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Rủi ro nguồn nhân lực

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành có mức thâm dụng lao động khá cao nên nguồn nhân lực là yếu tố không thể thiếu đối với Công ty. Năm 2021, nền kinh tế suy thoái do ảnh hưởng của dịch bệnh, các doanh nghiệp lần lượt thực hiện chính sách cắt giảm nhân sự, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, nền kinh tế đang dần hồi phục vào những tháng cuối năm do kiểm soát tốt dịch bệnh, Chính phủ đưa ra các chính sách nhằm khuyến khích đầu tư, tăng trưởng kinh tế. Theo đó, các doanh nghiệp bắt đầu đẩy mạnh tuyển dụng nhân sự mới, vì vậy cạnh tranh lao động trong ngành là rất cao.

Ngoài ra, thi công công trình còn yêu cầu đội ngũ nhân công lớn, có tính thời vụ phụ thuộc vào thời gian và địa bàn thi công. Do đó, Công ty luôn cố gắng chủ động nguồn lao động cần thiết trước mỗi dự án và đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng vào mùa khô ở các hạng mục khó, đòi hỏi thời tiết khô ráo để đảm bảo hoàn thành công trình đúng kế hoạch.



Rủi ro khác

Các yếu tố thiên tai như đại dịch, cháy rừng, hay lũ lụt xảy ra trong những năm gần đây ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, làm giảm khả năng sản xuất và chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Để hạn chế rủi ro do những tác động không thể dự báo trước, doanh nghiệp đề ra các phương án cụ thể, thành lập các đội ứng phó khẩn cấp, và tổ chức diễn tập. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện mua bảo hiểm thiên tai để hạn chế rủi ro và tạo điều kiện cho Công ty phục hồi sau thiệt hại.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính hợp nhất

Cơ cấu cổ đông





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2021

ĐVT: tỷ đồng

STT	Khoản mục	TH 2020	KH 2021	TH 2021	% TH 2021/ TH 2020	% TH 2021/ KH 2021
1	Doanh thu thuần	866,88	900	1.054,93	121,69%	117,21%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	109,8	-	107,13	97,57%	-
3	Lợi nhuận sau thuế	90,69	80	89,26	98,42%	111,58%



Năm 2021, sự bùng phát mạnh của làn sóng Covid-19 lần thứ tư cùng với các đợt phong tỏa nghiêm ngặt, giãn cách kéo dài đã tác động tiêu cực đến Công ty. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã có rất nhiều nỗ lực điều hành để mang lại kết quả kinh doanh tốt nhất cho Công ty và cổ đông.

Cụ thể, doanh thu thuần Công ty đạt được trong năm 2021 là 1.054,93 tỷ đồng, tương ứng với 121,69% so với năm 2020 và vượt 17,21% kế hoạch đặt ra. LHC hoạt động với mục tiêu chủ yếu là phát huy thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp thủy lợi, thủy điện, tham gia vào các dự án thủy lợi, thủy điện lớn, trọng điểm quốc gia đã, đang và sẽ thi công trên cả nước. Đây là động lực chính thúc đẩy doanh thu của Công ty tăng trưởng mạnh trong nhiều năm qua, giúp khẳng định vị thế Công ty so với những doanh nghiệp cùng ngành.

Hiện LHC đang sở hữu 5 Công ty con trực tiếp và gián tiếp, trong đó có Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng 40 cũng là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, thực hiện nhiều gói thầu xây lắp trong lĩnh vực thủy lợi.

Bên cạnh đó, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn duy trì mức ổn định so với năm 2020. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh cho cả năm 2021 đạt 107,13 tỷ đồng, giảm nhẹ 2,43% so với một năm trước. Điều này dẫn tới lợi nhuận sau thuế đạt 98,42% so với năm 2020 với 89,26 tỷ đồng và vượt 11,58% kế hoạch đề ra từ đầu năm.

Tổng kết năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn có sự tăng trưởng nhờ các biện pháp thắt chặt kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vẫn được đảm bảo. Đây là một nỗ lực đáng tự hào, có sự góp sức từ Ban lãnh đạo Công ty cho đến CB.CNV.



Cơ cấu doanh thu hợp nhất

ĐVT: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021		% tăng/giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu thi công	690,48	79,62%	928,61	87,98%	34,49%
2	Doanh thu VLXD và khai thác mỏ	79,84	9,21%	59,14	5,60%	-25,93%
3	Doanh thu gạch	49,47	5,70%	21,37	2,02%	-56,80%
4	Doanh thu gốm sứ chịu lửa	27,5	3,17%	30,05	2,85%	9,24%
5	Doanh thu cao lanh	19,96	2,30%	12,03	1,14%	-39,78%
6	Doanh thu điện năng lượng mặt trời	-	-	4,24	0,40%	-
Tổng cộng		867,26	100%	1.055,44	100%	21,70%

Cơ cấu chi phí hợp nhất

ĐVT: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021		% tăng/giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Giá vốn hàng bán	680,74	89,41%	846,35	89,09%	24,33%
2	Chi phí tài chính	0,28	0,04%	0,66	0,07%	135,71%
3	Chi phí bán hàng	2,34	0,31%	2,66	0,28%	13,68%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	76,52	10,05%	100,35	10,56%	31,14%
5	Chi phí khác	1,5	0,20%	-	-	-
Tổng cộng		761,38	100%	950,02	100%	24,78%



Công ty đã tập trung đa số nguồn lực để đẩy mạnh thực hiện nhiều gói thầu xây lắp trong lĩnh vực thi công công trình thủy lợi. Kết thúc năm 2021, doanh thu thi công của LHC có mức tăng trưởng mạnh 34,49% so với năm 2020. Các dự án trong năm đã mang về cho Công ty 928,61 tỷ đồng doanh thu, chiếm 87,98% tổng doanh thu toàn Công ty. Đây là kết quả đáng ghi nhận trong bối cảnh Công ty nói riêng và ngành xây dựng nói chung gặp rất nhiều khó khăn do hoạt động xây dựng của nhiều tỉnh, thành phố trên toàn quốc bị ngưng trệ vì thực hiện giãn cách xã hội; giá nguyên liệu tăng, sản xuất và tiêu thụ vật liệu xây dựng giảm; phải gia tăng chi phí phòng dịch bắt buộc, các chi phí kiểm tra nhanh dịch bệnh cho cán bộ, công nhân...

Cũng trong khoảng thời gian này, các khoản doanh thu phụ khác như: vật liệu xây dựng, gạch, cao lanh,... đã được Công ty chủ động cắt giảm nhằm thích ứng với tình hình mới.

Nhìn chung, Công ty đã thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả để mang về thành quả lớn là tổng doanh thu đạt 1.055,44 tỷ đồng. Trong tương lai, LHC sẽ tiếp tục bứt phá về doanh thu nhờ động lực tăng trưởng lớn của ngành xây dựng và đầu tư công.

Thông tin về thị trường vật liệu xây dựng năm 2021, Bộ Xây dựng cho biết, do nhiều dự án phải dừng, giãn, hoãn tiến độ thi công nên ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, cung ứng, tiêu thụ vật liệu xây dựng trong những tháng đầu năm 2021. Tuy vậy, giá vật liệu xây dựng vẫn tăng 3%- 6% so với năm 2020.

LHC đã ghi nhận giá vốn hàng bán tăng mạnh 24,33% so với năm 2020, đạt mức 846,35 tỷ đồng. Phần lớn khoản tăng thêm này đến từ việc giá vốn thi công đã tăng hơn 215,27 tỷ đồng so với một năm về trước, lên mức 529,84 tỷ đồng. Ngoài ra, năm 2021, chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty là 100,35 tỷ đồng, tăng 31,14% so với năm 2020. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng chủ yếu đến từ chi phí nhân viên quản lý tăng do tăng đơn giá trích tiền lương trong quỹ lương kế hoạch, cụ thể là thưởng 1,5%/LNTT hợp nhất, tăng lương tháng 13, chi phí đấu thầu cuối năm 2021 tăng

Nhìn chung, Ban lãnh đạo LHC đã có kế hoạch xây dựng và sử dụng chi phí một cách hợp lý để phù hợp với kế hoạch và doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng chi phí năm 2021 là 950,02 tỷ đồng, tăng 24,78% so với một năm trước.



Danh sách thành viên Ban điều hành

Chốt danh sách tại ngày 24/03/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	45.800	6,64%
2	Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng GD	33.000	0,46%
3	Ông Hầu Văn Tuấn	Kế toán trưởng	15.500	0,21%

Ông LÊ VĂN QUÝ

Tổng Giám đốc

Năm sinh	1976
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thủy lợi
Số cổ phần sở hữu	45.800
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM)

Ông KIM NGỌC ĐĂNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1962
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thủy lợi
Số cổ phần sở hữu	33.000
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có

Ông HẦU VĂN TUẤN

Kế toán trưởng

Năm sinh	1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần sở hữu	15.500
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có



Số lượng cán bộ công nhân viên

Tính tới thời điểm 31/12/2021

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I Theo trình độ		55	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	17	30,91%
2	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	35	63,64%
3	Lao động phổ thông	3	5,45%
II Theo tính chất hợp đồng lao động		55	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	55	100,00%
III Theo giới tính		55	100,00%
1	Nam	50	90,91%
2	Nữ	5	9,09%



Chính sách nhân sự

Về tuyển dụng

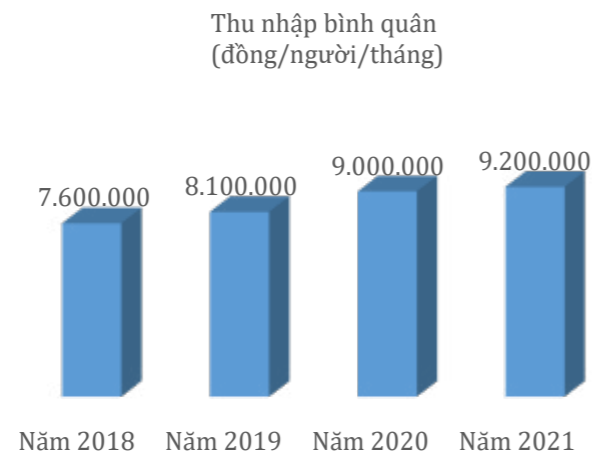
- + Kế hoạch tuyển dụng: căn cứ vào nhu cầu công việc và kế hoạch hoạt động mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự.
- + Thông báo tuyển dụng: Các yêu cầu tuyển dụng của Công ty đều được đăng tải trên Website của Công ty và các phương tiện thông tin đại chúng.
- + Nguyên tắc tuyển dụng: Bình đẳng – Khách quan – Minh bạch.
- + Yêu cầu tuyển dụng: Theo từng vị trí cụ thể, Công ty đề ra các yêu cầu về trình độ chuyên môn cơ bản, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật, trách nhiệm công việc. Đối với các vị trí quản lý, lãnh đạo, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và các tiêu chí riêng khác.

Về đào tạo

Đào tạo nguồn nhân lực là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự của LHC. Với mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ giỏi về chuyên môn, chuẩn mực trong đạo đức, và tâm huyết với công việc. Đối với cán bộ, công nhân tại các công trường, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ, hoặc cử đi đào tạo vận hành công nghệ mới, đào tạo nâng cao tay nghề tại các trường dạy nghề. Đối với các cấp quản lý, tùy theo tính chất công việc sẽ được cử đi tham gia các lớp tập huấn, các hội thảo, hay các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành.

Lương trung bình hàng năm

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số người lao động (người)	63	65	58	55
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.600.000	8.100.000	9.000.000	9.200.000



Môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng xây dựng và duy trì môi trường làm việc thân thiện, hiện đại, năng động và an toàn. Do tình hình dịch bệnh bùng phát mạnh và diễn biến phức tạp, Công ty tuân thủ nhiều biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người lao động, tuyên truyền về việc hạn chế đi lại và kêu gọi toàn thể người lao động cùng đoàn kết, nỗ lực để vượt qua giai đoạn khó khăn.

Lương, thưởng và phúc lợi

Công ty đã xây dựng hệ thống lương thưởng vừa để công nhận đóng góp vừa thúc đẩy người lao động phát huy hơn nữa tiềm năng, kiến thức của bản thân, gắn bó hơn với Công ty.

Công ty tổ chức các buổi tuyên dương, khen thưởng cho các cán bộ nhân viên có thành tích xuất sắc, có đóng góp tích cực cho hoạt động sản xuất. Chính sách khen thưởng với các nội dung và hình thức khen thưởng chi tiết đã được phổ biến tới tất cả các Cán bộ Lãnh đạo, Cán bộ quản lý và toàn thể CBNV để tổ chức thực hiện.

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến trích nộp bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty hỗ trợ chi phí khám sức khỏe định kỳ và điều trị bệnh, tai nạn cho toàn thể cán bộ nhân viên.



Dự án Hồ chứa nước Đa Sĩ



Đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị

STT	Tính chất phân loại	ĐVT	Số lượng	Giá trị (đồng)
Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất				
1	Bộ thiết bị CMS, Bơm áp lực và phụ kiện	Bộ	01	1.290.000.000
2	Máy đào Kamatsu PC350-10	Chiếc	01	2.318.181.818
3	Máy Photocopy TICOH MP6503	Cái	01	82.000.000
4	Cần dài + Gàu máy đào SK200-8	Cái	01	259.090.909
Tổng				3.949.272.727
Tài sản cố định bán, thanh lý				
1	Máy Kamatsu PC400 (2017)	Chiếc	01	1.863.636.364
2	Máy Photocopy MP-4000B	Cái	01	112.863.636
3	Máy Photocopy RICHCOH MP 250ISP	Cái	01	60.000.000
Tổng				2.036.500.000



Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,57	1,3
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,30	1,05
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	35,28	43,05
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	54,50	75,58
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,25	10,28
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,26	1,28
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,46	8,46
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,32	17,97
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	13,22	10,88
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	12,67	9,82

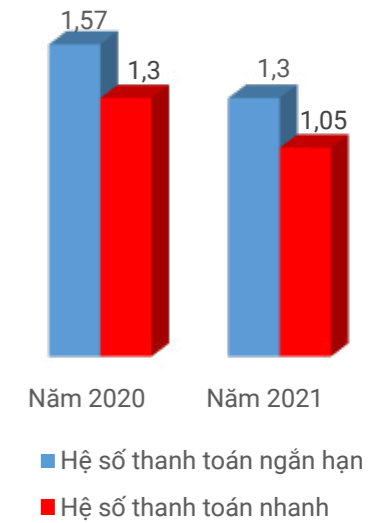


Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Nhìn chung, các hệ số thanh toán của Công ty đều giảm trong năm 2021. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ mức 1,57 lần năm 2020 xuống mức 1,3 lần năm 2021. Hệ số thanh toán nhanh năm 2021 đạt 1,05 lần, giảm so với mức 1,3 lần năm trước.

Cả nợ ngắn hạn và tài sản ngắn hạn đều tăng. Tuy nhiên, tốc độ tăng của nợ ngắn hạn chậm hơn tài sản ngắn hạn. Nợ ngắn hạn tăng chủ yếu là do khoản người mua trả trước ngắn hạn tăng từ 106,05 tỷ đồng lên mức 217,48 tỷ đồng vào cuối năm 2021.

Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu đến từ tiền và tương đương tiền đạt 191,33 tỷ đồng vào thời điểm 31/12/2021, tương ứng mức tăng gần 28,99%. Bên cạnh đó, LHC duy trì lượng vốn lưu động có thanh khoản cao như tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 3,2% đến 4,3%/năm để phục vụ các hoạt động kinh doanh của Công ty.



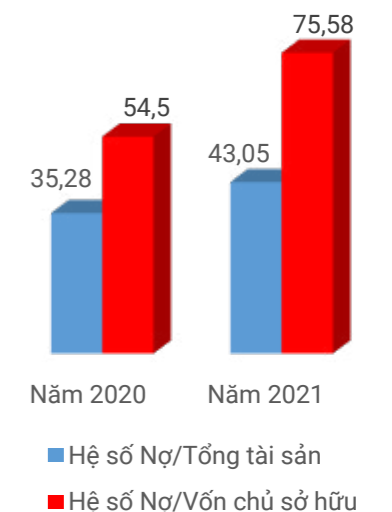
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Có thể thấy hai chỉ số về cơ cấu vốn của LHC đang ở mức cao so với năm 2020 khi nợ chiếm 43,05% tổng tài sản và chiếm 75,58% vốn chủ sở hữu.

Trong cơ cấu nợ của LHC, nợ đến từ đi vay chiếm tỷ trọng rất thấp, do đó Công ty không phải chịu áp lực của chi phí tài chính và đảm bảo tỷ lệ đòn bẩy trên mức an toàn, đây cũng là lợi thế so sánh của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Kết thúc năm 2021, nợ phải trả của LHC là hơn 392,11 tỷ đồng, tăng 51,53% so với cuối năm 2020 do Công ty đã chủ động nhận các khoản thanh toán trước của người mua. Điều này sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng của Công ty khi nhận được trước nguồn lực để bước vào giai đoạn tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, Công ty ghi nhận tổng tài sản đã tăng 24,18% lên mức hơn 910,91 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tăng hơn 44,03 tỷ đồng lên 518,80 tỷ đồng; giúp khẳng định LHC là một doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực xây dựng thủy lợi.

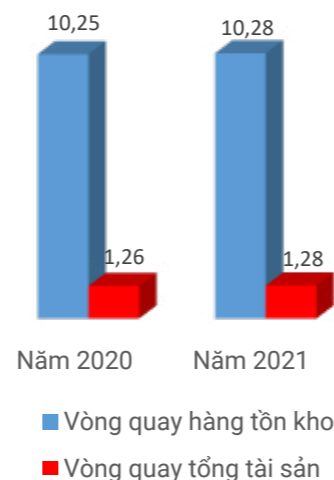


Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

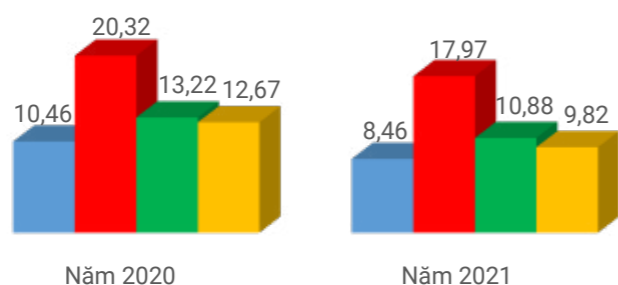
LHC là một doanh nghiệp đã thể hiện được năng lực qua nhiều năm hình thành thành và phát triển. Ban lãnh đạo Công ty đã quyết tâm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh luôn bám sát kế hoạch đã đề ra đồng thời bám sát tình hình thực tiễn. Điều đó giúp Công ty tiếp tục duy trì chỉ số về năng lực hoạt động luôn ổn định qua nhiều năm.

Ngoài việc đạt được 1.054,93 tỷ đồng doanh thu thuần trong năm 2021, Công ty đã tăng đáng kể hàng tồn kho và tổng tài sản tại thời điểm cuối năm để chuẩn bị kĩ càng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh 2022.

Kết thúc năm 2021, hàng tồn kho của LHC tăng 39,68% đạt gần 96,34 tỷ đồng. Vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ từ 10,25 vòng năm 2020 lên 10,28 vòng. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ lên 1,28 vòng khi tổng tài sản tăng 24,17% lên mức gần 910,91 tỷ đồng.



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần

LHC cùng các Công ty con đã có một năm làm việc gặp không ít khó khăn và thách thức, đặc biệt là trong hoàn cảnh dịch Covid-19 diễn biến vô cùng phức tạp. Do vậy, lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm nhẹ 1,57%, đạt 91,41 tỷ đồng, kéo theo các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận năm nay thấp hơn so với năm 2020.

Nguyên nhân chủ yếu là vì giá vốn hàng bán đã tăng 24,32% so với năm 2020, đạt 846,38 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng đã tăng hơn 23,83 tỷ đồng lên mức 100,35 tỷ đồng.

Như vậy, chỉ số biên lợi nhuận ròng hữu giảm nhẹ từ 10,46% xuống 8,64%, chỉ số ROE giảm từ 20,32% xuống 17,97%, chỉ số ROA giảm từ 13,22% xuống 10,88%. Ngoài ra, tỷ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần giảm từ 12,67% còn 10,15%.



Thông tin cổ phiếu

Vốn điều lệ: 72.000.000.000 đồng

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 7.200.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



Cơ cấu cổ đông

Tính tới thời điểm 24/03/2022

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	425	5.893.434	81,87%
1	Nhà nước	-	-	-
2	Tổ chức	2	2.047	0,02%
3	Cá nhân	423	5.891.387	81,85%
II	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	23	1.306.566	18,13%
1	Cá nhân	6	244.700	3,39%
2	Tổ chức	17	1.061.866	14,74%
Tổng cộng		448	7.200.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

Tính tới thời điểm 24/03/2022

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Mai Lan	020039794	52 Xuân Thủy, Phường Tháo Điện, Q.2, TP. Hồ Chí Minh	702.700	9,76%
2	Lê Đình Hiến	250412901	70 Pastuer, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	536.000	7,44%
3	SHIH KUAN TUNG	IA2860	NO.81, Mincyuan RD, Sinshih Township, Tainan Country 744, TAIWAN R O C	984.200	13,67%
Tổng				2.222.900	30.87%

03

BÁO CÁO BAN Tổng Giám đốc

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách - quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội





Doanh thu thuần đạt
1.054,93 tỷ đồng

89,26 tỷ đồng
lợi nhuận sau thuế



Năm 2021 là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam khi đại dịch bùng phát. Mặc dù vậy, Công ty vẫn nỗ lực nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng công nghệ kĩ thuật, đầu tư máy móc thiết bị nhằm nâng cao suất. Với quyết tâm hoàn thành kế hoạch mục tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đưa ra nhiều phương án thực hiện, triển khai kế hoạch. Tổng kết năm 2021, Công ty ghi nhận được những kết quả như sau.

- Doanh thu thuần: 1.054,93 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 89,26 tỷ đồng.

Với những kết quả ghi nhận được trong năm 2021, Công ty đã thể hiện được sự nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng tập thể CB.CNV để hoàn thành, kế hoạch đã đề ra trong một năm đầy biến động và khó khăn.



Thuận lợi

- Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, các Sở, Ban ngành các cấp chính quyền địa phương hỗ trợ tạo điều kiện để đơn vị đầu tư phát triển mở rộng hệ thống thủy lợi.
- Công ty liên kết đấu thầu, đầu tư máy móc, thiết bị để nâng cao năng lực cạnh tranh hoạt động xây lắp nhằm mở rộng thị phần.
- Công ty tập trung cải tiến, phối hợp giữa các bộ phận để nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng hồ sơ đấu thầu, quản trị tốt chi phí, giá thành, cung ứng, sử dụng vật tư, nguyên nhiên vật liệu và nhân công hiệu quả.
- Công ty đã phối hợp chặt chẽ với các chủ dự án và khẳng định được chất lượng thi công của chính mình trong lĩnh vực xây dựng thủy lợi tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ.
- Công ty tiếp tục tinh gọn bộ máy, tăng cường quản lý nội bộ, giá thành và định mức nhằm kiểm soát chi phí, tiết kiệm tối đa các chi phí đầu vào để giảm chi phí sản xuất, có mức giá đấu thầu hợp lý cho các dự án công trình nhằm tăng tính cạnh tranh về giá.



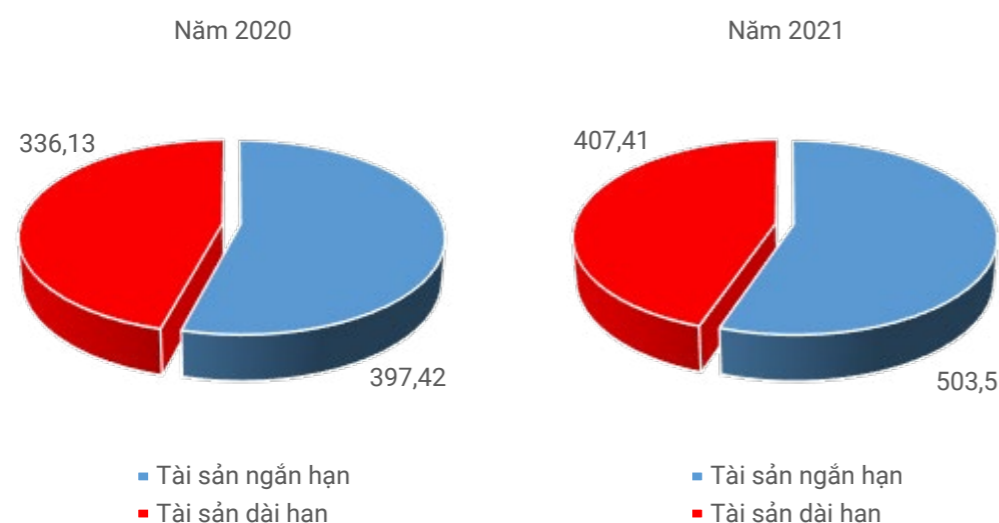
Khó khăn

- Năm 2021 tình hình kinh tế vĩ mô gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19, ảnh hưởng không chỉ LHC mà còn tới hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn nhiều tỉnh thành làm giảm nhu cầu đầu tư xây dựng, tiến độ thi công công trình.
- Sự tăng giá của các vật liệu xây dựng đầu vào như giá thép xây dựng tăng mạnh 30-40%; giá nhựa đường tăng 9-10%; giá xi măng tăng 3-5%,... đẩy chi phí lên cao, làm khan hiếm nguyên vật liệu.
- Thời gian qua, mưa lũ đã xảy ra trên diện rộng tại các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, mưa lớn gây mức lũ gần mức lịch sử tại nhiều địa phương. Do đặc thù ngành thủy lợi nên các công trình của Công ty không thể thi công vào mùa mưa,
- Chính phủ thay đổi hình thức cung cấp dịch vụ thủy lợi từ cơ chế phí sang cơ chế giá buộc Công ty cần xây dựng được phương án giá cho từng loại giá sản phẩm.
- Cạnh tranh trong lĩnh vực xây dựng các công trình thủy lợi ngày các khốc liệt; do đó, dự án sát nhập LHC và L40 sắp tới sẽ giúp Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh và mang lại lợi nhuận cao cho Công ty và cổ đông.

Tình hình tài sản

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	Tỷ trọng	31/12/2021	Tỷ trọng	% 2021/2021
Tài sản ngắn hạn	397,42	54,18%	503,50	55,28%	126,69%
Tài sản dài hạn	336,13	45,82%	407,41	44,72%	121,20%
Tổng tài sản	733,55	100,00%	910,91	100,00%	124,18%



Tính tới thời điểm cuối năm 2021, tổng tài sản của Công ty đạt hơn 910,9 tỷ đồng tăng 26,69% so với năm trước.

Trong đó, chiếm tỷ trọng cao hơn vẫn là tài sản ngắn hạn với giá trị đạt 503,5 tỷ đồng và chiếm 55,28% tổng tài sản. Nguyên nhân là do trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát mạnh và tình hình kinh tế diễn biến khó lường, Công ty đã đẩy mạnh việc nắm giữ các tài sản có tính thanh khoản cao để có thể chủ động trong các kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh. Thời điểm cuối năm, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty đạt mức 191,33 tỷ đồng, tăng 28,98% so với cuối năm 2020. Ngoài ra, LHC đã tăng số tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng thêm hơn 20,66 tỷ đồng, số tiền này dùng để chuẩn bị để tài trợ cho các dự án tiếp theo của Công ty.

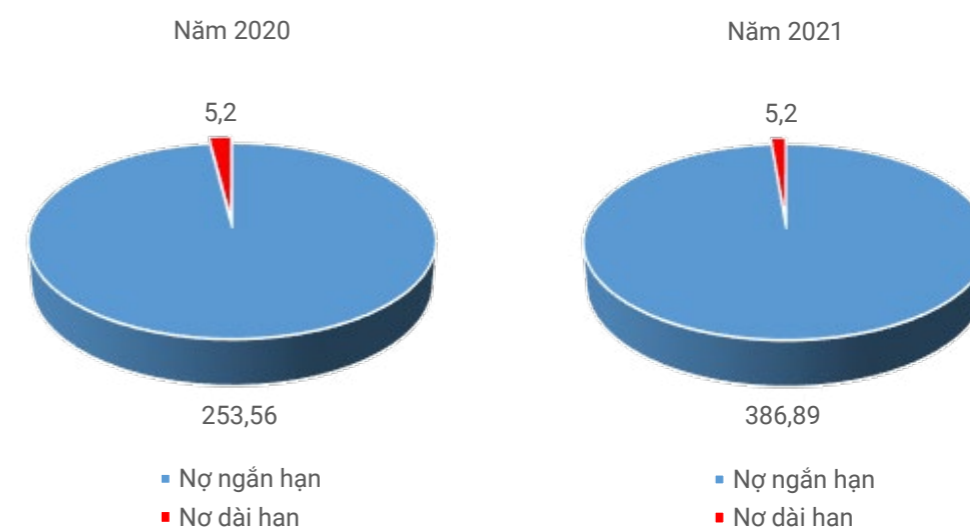
Bên cạnh đó, hàng tồn kho gia tăng do Công ty đã chủ động tích trữ các nguồn nguyên vật liệu nhằm đề phòng sự biến động của chi phí đầu vào trong bối cảnh chuỗi cung ứng bị đứt gãy trong năm qua. Tại ngày 31/12/2021, khoản phải thu ngắn hạn của Công ty đạt 153,53 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 21,34% so với cùng kỳ năm trước.

Tài sản dài hạn cũng có bước tăng trưởng đáng kể so với năm 2020 lên mức 407,4 tỷ đồng. Trong đó đáng chú ý là khoản đầu tư mua sắm trang thiết bị với số tiền 125,03 tỷ đồng, kéo theo tài sản cố định hữu hình tăng lên mức 328,75 tỷ đồng, chiếm 80,69% tài sản dài hạn.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	Tỷ trọng	31/12/2021	Tỷ trọng	% 2021/2021
Nợ ngắn hạn	253,56	97,99%	386,89	98,67%	152,58%
Nợ dài hạn	5,2	2,01%	5,2	1,33%	100,00%
Tổng nợ phải trả	258,77	100,00%	392,09	100,00%	151,52%



LHC luôn quan tâm đến tình hình các nợ phải trả nhằm luôn duy trì sự tin tưởng của các nhà đầu tư, khách hàng,...

Do cơ cấu nợ của LHC chủ yếu là nợ ngắn hạn (luôn chiếm khoảng 98% tổng nợ phải trả) nên nợ ngắn hạn biến động sẽ khiến tổng nợ biến động. Cụ thể, nợ ngắn hạn của LHC năm 2021 đã tăng 52,58% lên mức 386,89 tỷ đồng. Chiếm phần lớn trong này là khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn đã đạt 217,48 tỷ đồng, tăng hơn hai lần so với một năm trước. Tuy nhiên đây là khoản nợ tốt, mang lại các hợp đồng kinh doanh cho Công ty như: Ban quản lý Dự án ĐT&XD Công trình NN&PT Nông Thôn Lâm Đồng đã trả trước 92,03 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây Dựng và Công trình công cộng huyện Lâm Hà đã trả trước 57,07 tỷ đồng,...

Ngoài ra đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính, LHC đã nhận các vay giá trị 23,45 tỷ đồng và sau đó đã hoàn trả 23,13 tỷ đồng ngay trong năm. Điều đó cho thấy tình hình kiểm soát các khoản vay nợ một cách hiệu quả của Công ty.

LHC không ghi nhận thay đổi nào của khoản nợ dài hạn và vẫn giữ nguyên mức 5,2 tỷ đồng, Tổng nợ phải trả của Công ty trong năm 2021 đạt mức 392,09 tỷ đồng, tăng mạnh 51,52% so với năm 2020. Với vị thế là một doanh nghiệp uy tín và đáng tin cậy trong lĩnh vực xây dựng thủy lợi, LHC luôn cố gắng đảm bảo tính an toàn với tình hình nợ phải trả.

Trong năm 2021, nhằm giữ chân đội ngũ nhân viên, duy trì sự ổn định trong các hoạt động kinh doanh của Công ty sau đợt giãn cách xã hội kéo dài, Ban Tổng Giám đốc chú trọng vào phát triển chính sách lương thưởng, đãi ngộ đối với đội ngũ lao động nhằm tạo ra sự gắn kết giữa đội ngũ nhân viên với Công ty, đồng thời thu hút thêm nhiều nhân tài tham gia vào đội ngũ nhân sự của Công ty. Ngoài ra, các quy trình sản xuất hiện hành cũng được Công ty rà soát, kiểm tra thường xuyên định kỳ nhằm đảm bảo không có các rủi ro tiềm ẩn, gây nguy hiểm cho người lao động, đồng thời cải tiến công nghệ khoa học nhằm tăng năng suất sản xuất của toàn Công ty.

Về cơ cấu tổ chức:

Nhằm nâng cao hiệu quả của từng phòng, ban trong Công ty, trong năm 2021, LHC đã tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo được thiết kế riêng theo đặc điểm của từng phòng ban cho các cán bộ công nhân viên. Đồng thời, định kỳ Công ty tổ chức các buổi đánh giá, khảo sát, nhằm xác định được những thiếu sót trong công tác hoạt động, từ đó đề ra biện pháp cải tiến phù hợp.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn tồn tại những diễn biến phức tạp, công tác phòng chống dịch cũng được Ban lãnh đạo Công ty đẩy lên ưu tiên hàng đầu qua các hoạt động xét nghiệm Covid-19, cơ cấu lại tổ chức nhằm đảm bảo sức khỏe cho toàn bộ nhân viên, từ đó đảm bảo hiệu quả hoạt động của toàn Công ty.

Về chính sách quản lý

Ban lãnh đạo của LHC không ngừng nghiên cứu, đưa ra những bước cải tiến trong hoạt động quản lý nhằm tiết kiệm chi phí, tăng cường tài sản nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động của toàn Công ty. Công ty triển khai áp dụng công nghệ khoa học vào các quy trình giám sát dự án, tiến độ thi công nhằm giảm bớt nguồn lực lao động tại các quy trình này, đồng thời nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Bên cạnh đó, hàng năm, đội ngũ lao động chủ chốt của LHC được theo học các khóa đào tạo nghiệp vụ quản lý, nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới.



Kế hoạch phát triển kinh doanh 2022

Dự đoán tình hình thuận lợi và khó khăn trong năm 2021 cùng với tình hình thực tế tại Công ty trong thời gian qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và đề ra phương hướng thực hiện cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	% KH 2022/TH 2021
1	Tổng doanh thu	1.054,93	1.100	104,27%
2	Lợi nhuận trước thuế	109,61	100	91,23%
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức	30%	30-50%	-

Biện pháp thực hiện các mục tiêu đề ra

Tăng cường năng lực quản lý của Ban lãnh đạo trong việc dẫn dắt và phát triển Công ty

- Tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường kinh doanh truyền thống; tăng cường tiếp cận các dự án, công trình của các chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu.
- Ban lãnh đạo tạo mối quan hệ lành mạnh với các cơ quan chính quyền, chức năng địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi công các công trình trong khu vực, đảm bảo lợi ích, quyền lợi giữa các bên.

Ban lãnh đạo tích cực trong việc tạo dựng tài sản, việc làm và cân bằng tài chính của Công ty

- Xây dựng hệ thống phân bổ ngân sách công khai, kinh phí đầu tư được dự toán và phân bổ đúng trọng tâm.
- Duy trì đòn bẩy tài chính hợp lý, quản trị dòng tiền hiệu quả, và tạo ra doanh thu ổn định.

Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động

- Chú trọng công tác hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ các định mức, nhân công, ca máy... để đảm bảo và quản lý tốt hoạt động sản xuất, thi công.
- Tổ chức triển khai thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành nhằm tăng hiệu quả vận hành tối đa của thiết bị và giảm chi phí trong việc sửa chữa, bảo dưỡng; áp dụng sửa chữa.
- Thực hiện tiết kiệm chi phí trong sản xuất; tổ chức mua sắm tập trung; tổ chức đấu thầu/chào hàng rộng rãi, hạn chế tối đa chỉ định thầu hoặc mua sắm trực tiếp trong công tác đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị.

Kế hoạch dài hạn

Để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh chính vào Thành phố Hồ Chí Minh, vùng phụ cận và miền tây Nam bộ, định hướng của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng sẽ sáp nhập với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 nhằm tăng nguồn vốn chủ sở hữu, tăng quy mô, kinh nghiệm, và hoạt động sản xuất kinh doanh. Trụ sở chính của Công ty sau sáp nhập sẽ được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở Chi nhánh Công ty sẽ được di chuyển về thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Công ty luôn ý thức và chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường.
- Nâng cao ý thức tiết kiệm, chống lãng phí và bảo vệ môi trường đối với toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Khuyến khích lao động, nhân viên của Công ty sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, tái sử dụng trong quá trình kinh doanh.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- LHC coi con người là yếu tố trung tâm trong việc xây dựng và hình thành doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn đồng hành cùng Ban Tổng Giám đốc, phối hợp với Công đoàn để thực hiện tốt chức năng đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Chăm lo đời sống tinh thần lẫn vật chất của người lao động cũng như tích cực tham gia quản lý, xây dựng mối quan hệ bền vững, hài hòa trong Công ty.
- LHC luôn cung cấp đầy đủ các chế độ ưu đãi và thực hiện tốt việc chi trả lương, thưởng, cấp phát bảo hộ lao động theo đúng quy định, tham gia mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB.CNV, và tổ chức khám sức khỏe định kỳ. Ngoài ra, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; kiểm tra, giám sát, chủ động áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro, nguy cơ gây tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Bên cạnh các mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và cổ đông, Công ty cũng ý thức chia sẻ trách nhiệm với sự phát triển của cộng đồng.
- Hàng năm, Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động do UBND, Sở và các Ban ngành tổ chức, các chương trình hỗ trợ đời sống người dân địa bàn, khu vực thành phố Hồ Chí Minh; tích cực hưởng ứng và ủng hộ các phong trào, chương trình phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt,...
- Công ty cũng thường tổ chức các hoạt động xã hội cộng đồng, tham gia các hoạt động xã hội từ thiện; thăm viếng, tặng quà cán bộ hưu trí nhân các ngày Tết cổ truyền,...



04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch và định hướng của HĐQT





ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn ra phức tạp, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng gặp rất nhiều khó khăn. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành đã có rất nhiều nỗ lực điều hành để mang lại kết quả kinh doanh tốt nhất cho Công ty và cổ đông.

- Tất cả thành viên HĐQT đã thực hiện đúng vai trò của mình và đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2021, HĐQT đã tiến hành 7 cuộc họp và 3 lần lấy ý kiến bằng văn bản để quyết định kịp thời những vấn đề hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công ty cũng tiến hành rà soát Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty nhằm đảm bảo tính ổn định, phù hợp với quy định quản trị tại Công ty, vừa đáp ứng được các quy định của Luật hiện hành.
- Với tinh thần thượng tôn pháp luật, Công ty luôn chú trọng đến việc tuân thủ đầy đủ các quy định về CBTT theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc CBTT đầy đủ và kịp thời là điều kiện tiên quyết giúp xây dựng lòng tin trong nhà đầu tư.
- Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra cho việc triển khai các chính sách nhân sự, đảm bảo sự phát triển bền vững của cán bộ nhân viên. Đội ngũ lao động trong Công ty đã được đảm bảo đầy đủ các điều kiện về việc làm cũng như đời sống vật chất tinh thần. Công ty đã nỗ lực xây dựng môi trường tốt nhất để cán bộ nhân viên có thể phát huy tối đa kỹ năng, kiến thức của bản thân, đảm bảo hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao phó.
- LHC cũng thực hiện đầy đủ các trách nhiệm, nghĩa vụ đối với chất lượng môi trường, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.









ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Trải qua một năm 2021 với rất nhiều sự kiện trong nước cũng như quốc tế tác động đến kinh tế trong nước cũng như ngành xây dựng, HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021.

Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty được thể hiện như sau:

-  Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra cũng được Ban Tổng Giám đốc triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.
-  Ban Tổng Giám đốc trong năm tiếp tục điều hành tốt sản xuất kinh doanh, tăng cường chỉ đạo, tìm kiếm các dự án có khả năng đầu tư cho những năm tiếp theo.
-  Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể hoạt động, tích cực chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên, người lao động toàn Công ty.
-  Năm 2021 dù chịu ảnh hưởng nặng nề từ các đợt cách ly xã hội và dịch bệnh Covid-19, song Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực và đã hoàn thành xuất sắc các hoạt động quản trị điều hành cũng như các chỉ tiêu kinh doanh đặt ra. Đồng thời cũng thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.





Công ty tiếp tục ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất kinh doanh, qua đó tối ưu năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho Công ty cũng như tăng thu nhập, hỗ trợ đời sống người lao động. Tích cực nghiên cứu và phát triển trong quy chế, phương pháp làm việc, kinh doanh nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả làm việc của người lao động. Cụ thể, Công ty đề ra kế hoạch hoạt động nhằm đạt được mục tiêu như sau:

- Ổn định, tinh giảm tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, xây dựng kế hoạch phương án giao khoán cho các bộ phận trực thuộc, nhằm tăng cường tính chủ động, nâng cao hiệu quả lao động và thu nhập, cải thiện đời sống CB.CNV.
- Duy trì công tác Sơ, tổng kết định kỳ hàng tháng, quý, năm để đánh giá việc thực hiện và bàn biện pháp hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch tài chính, quản lý tốt chi phí và thanh toán nội bộ. Đẩy nhanh thu hồi công nợ, các khoản nợ quá hạn thanh toán.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá sự hài lòng của khách hàng thông qua chiến lược chăm sóc khách hàng để cải tiến sản phẩm, dịch vụ hiện có ngày càng tốt hơn, nhằm nâng cao uy tín của Công ty.
- Xây dựng chiến lược kinh doanh, khai thác mở rộng thị trường, ngành nghề kinh doanh, thường xuyên quảng bá hình ảnh, nâng cao chất lượng, đẩy mạnh công tác marketing, phân tích thị trường, chủ động tìm kiếm thêm nhiều khách hàng mới, đối tác mới.
- Triển khai thực hiện các danh mục dự án dự kiến đầu tư theo kế hoạch trong năm theo thứ tự ưu tiên và khả năng cân đối nguồn vốn.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, khuyến khích áp dụng giải pháp mới, cách làm mới, phát huy sáng kiến nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tìm kiếm nguồn nguyên nhiên liệu chất lượng nhưng giá thấp để đảm bảo tính cạnh tranh cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty trong thời gian tới.
- Thường xuyên cải tiến các quy định, quy trình nội bộ của Công ty kịp thời sát với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định mới của Nhà nước.
- Xây dựng và duy trì tốt các mối quan hệ của địa phương để thuận lợi trong quá trình hoạt động kinh doanh cũng như trong việc triển khai các dự án đầu tư mới trong năm.
- Xây dựng kế hoạch mua sắm và mua sắm thiết bị xe chuyên dùng kịp thời và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu hoạt động hiện tại cũng như mở rộng địa bàn.



05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích





Các cuộc họp của Hội đồng quản trị năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	10	100%	-
2	Ông Hầu Văn Tuấn	-	3	30%	Thôi TV.HĐQT
3	Ông Lê Văn Quý	-	3	30%	Thôi TV.HĐQT
4	Ông Mai Nam Dương	-	3	30%	Thôi TV.HĐQT
5	Ông Bùi Trung Trực	-	3	30%	Thôi TV.HĐQT
6	Ông Trần Hùng Phương	TV.HĐQT không điều hành	7	70%	TV.HĐQT mới
7	Ông Trần Việt Thắng	TV.HĐQT không điều hành	7	70%	TV.HĐQT mới
8	Ông Lý Chủ Hưng	TV.HĐQT độc lập	7	70%	TV.HĐQT mới
9	Ông Phan Công Ngôn	TV. HĐQT độc lập	7	70%	TV.HĐQT mới

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Hầu Văn Tuấn	Phó CT HĐQT	-	25/04/2021
2	Ông Lê Văn Quý	TV. HĐQT	-	25/04/2021
3	Ông Mai Nam Dương	TV. HĐQT	-	25/04/2021
4	Ông Bùi Trung Trực	TV. HĐQT	-	25/04/2021
5	Ông Trần Hùng Phương	TV. HĐQT	25/04/2021	-
6	Ông Trần Việt Thắng	TV. HĐQT	25/04/2021	-
7	Ông Lý Chủ Hưng	TV.HĐQT	25/04/2021	-
8	Ông Phan Công Ngôn	TV. HĐQT độc lập	25/04/2021	-

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Ông LÊ ĐÌNH HIẾN

Năm sinh	1964
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi
Số cổ phần sở hữu	
- Sở hữu trực tiếp	536.000 cổ phần
- Những người liên quan	66.500 cổ phần
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM)

Ông TRẦN HÙNG PHƯƠNG

Năm sinh	1978
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Số cổ phần sở hữu	
- Sở hữu trực tiếp	70.000 cổ phần
- Những người liên quan	291.000 cổ phần
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM)

Ông TRẦN VIỆT THẮNG

Năm sinh	1973
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
Số cổ phần sở hữu	
- Sở hữu trực tiếp	216.300 cổ phần (tại ngày 24/03/2022)
- Những người liên quan	747.800 cổ phần
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	không

Ông LÝ CHỦ HƯNG

Năm sinh	1981
Số cổ phần sở hữu	
- Sở hữu trực tiếp	10.500 cổ phần (tại ngày 24/03/2022)
- Những người liên quan	0 cổ phần
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	không

Ông PHAN CÔNG NGÔN

Năm sinh	1958
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi
Số cổ phần sở hữu	
- Sở hữu trực tiếp	22.100 cổ phần (tại ngày 24/03/2022)
- Những người liên quan	0 cổ phần
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	không

Danh sách nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2021

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung																																				
1	Số: 01-2021/ NQ/HĐQT	27/01/2021	<p>Điều 1: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, cụ thể như sau:</p> <p>Kết quả hoạt động SXKD năm 2021</p> <p>ĐVT: Triệu đồng</p> <table border="1"> <tr><td>- Doanh thu thuần:</td><td>854.295</td></tr> <tr><td>- Giá vốn hàng bán:</td><td>668.429</td></tr> <tr><td>- Lợi nhuận gộp:</td><td>185.866</td></tr> <tr><td>- Doanh thu hoạt động tài chính:</td><td>2.833</td></tr> <tr><td>- Chi phí tài chính:</td><td>289</td></tr> <tr><td>- Chi phí bán hàng:</td><td>2.338</td></tr> <tr><td>- Chi phí quản lý doanh nghiệp:</td><td>76.632</td></tr> <tr><td>- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD:</td><td>109.439</td></tr> <tr><td>- Thu nhập khác:</td><td>2.360</td></tr> <tr><td>- Chi phí khác:</td><td>1.089</td></tr> <tr><td>- Tổng LN kế toán trước thuế:</td><td>110.529</td></tr> <tr><td>- Chi phí thuế TNDN hiện hành:</td><td>19.531</td></tr> <tr><td>- Chi phí thuế TNDN hoãn lại:</td><td>967</td></tr> <tr><td>- Lợi nhuận sau thuế TNDN:</td><td>0,029</td></tr> <tr><td>- LNST của cổ đông không kiểm soát:</td><td>28.516</td></tr> <tr><td>- LNST của công ty mẹ:</td><td>61.513</td></tr> <tr><td>- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS):</td><td>13.558 đ</td></tr> <tr><td>- Lãi suy giảm trên cổ phiếu:</td><td>13.558 đ</td></tr> </table> <p>Điều 2: Thông qua nội dung tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2020 là 25%</p> <p>Ngày chốt danh sách: 23/02/2021. Ngày thanh toán cổ tức: 12/03/2021</p> <p>Điều 3: Thông qua Nghị quyết HĐQT đã được thông qua ngày 27/01/2021 Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện.</p>	- Doanh thu thuần:	854.295	- Giá vốn hàng bán:	668.429	- Lợi nhuận gộp:	185.866	- Doanh thu hoạt động tài chính:	2.833	- Chi phí tài chính:	289	- Chi phí bán hàng:	2.338	- Chi phí quản lý doanh nghiệp:	76.632	- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD:	109.439	- Thu nhập khác:	2.360	- Chi phí khác:	1.089	- Tổng LN kế toán trước thuế:	110.529	- Chi phí thuế TNDN hiện hành:	19.531	- Chi phí thuế TNDN hoãn lại:	967	- Lợi nhuận sau thuế TNDN:	0,029	- LNST của cổ đông không kiểm soát:	28.516	- LNST của công ty mẹ:	61.513	- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS):	13.558 đ	- Lãi suy giảm trên cổ phiếu:	13.558 đ
- Doanh thu thuần:	854.295																																						
- Giá vốn hàng bán:	668.429																																						
- Lợi nhuận gộp:	185.866																																						
- Doanh thu hoạt động tài chính:	2.833																																						
- Chi phí tài chính:	289																																						
- Chi phí bán hàng:	2.338																																						
- Chi phí quản lý doanh nghiệp:	76.632																																						
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD:	109.439																																						
- Thu nhập khác:	2.360																																						
- Chi phí khác:	1.089																																						
- Tổng LN kế toán trước thuế:	110.529																																						
- Chi phí thuế TNDN hiện hành:	19.531																																						
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại:	967																																						
- Lợi nhuận sau thuế TNDN:	0,029																																						
- LNST của cổ đông không kiểm soát:	28.516																																						
- LNST của công ty mẹ:	61.513																																						
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS):	13.558 đ																																						
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu:	13.558 đ																																						
2	Số: 02-2021/ NQ/ HĐQT	05/03/2021	<p>Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất với tỷ lệ 5/5 về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 21 năm 2021 với nội dung cụ thể như sau:</p> <p>1.1- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền: 26/3/2021</p> <p>1.2- Ngày tổ chức ĐHĐCĐ: Ngày 25/4/2021</p> <p>Điều 2: Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>																																				

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung																		
3	Số: 03- 2020/ NQ/HĐQT	06/04/2021	<p>Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất thông qua một số nội dung chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 21 năm 2021:</p> <p>1.1- Báo cáo công tác quản trị Công ty năm 2020 của HĐQT trước ĐHĐCĐ</p> <p>1.2- Thông qua dự thảo Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội để trình ĐHĐCĐ</p> <p>1.3- Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 để trình ĐHĐCĐ:</p> <p>1.3.1- Công ty mẹ</p> <table border="1"> <tr><td>- Doanh thu thuần:</td><td>180 tỷ đồng</td></tr> <tr><td>- Lợi nhuận sau thuế:</td><td>28 tỷ đồng</td></tr> <tr><td>- Cổ tức chia cho cổ đông:</td><td>30%-50%</td></tr> <tr><td>- Đầu tư mua sắm TSCĐ:</td><td>7-10 tỷ đồng</td></tr> <tr><td>- Khấu hao TSCĐ:</td><td>7-10 tỷ đồng</td></tr> <tr><td>- Đầu tư tài chính, liên kết:</td><td>Tốt đa 150 tỷ đồng</td></tr> </table> <p>2.3.2. Hợp nhất</p> <table border="1"> <tr><td>- Doanh thu thuần:</td><td>900 tỷ đồng</td></tr> <tr><td>- Lợi nhuận sau thuế:</td><td>80 tỷ đồng</td></tr> <tr><td>- Cổ tức chia cho cổ đông:</td><td>30%-50%</td></tr> </table> <p>2.4- Thống nhất Dự thảo Điều lệ công ty; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ ban hành.</p> <p>2.5- Thống nhất Dự thảo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, kiểm soát viên BKS nhiệm kỳ 2021-2025 trình ĐHĐCĐ.</p> <p>2.6- Thống nhất nội dung các Tờ trình khác để trình ĐHĐCĐ.</p> <p>Điều 2: Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>	- Doanh thu thuần:	180 tỷ đồng	- Lợi nhuận sau thuế:	28 tỷ đồng	- Cổ tức chia cho cổ đông:	30%-50%	- Đầu tư mua sắm TSCĐ:	7-10 tỷ đồng	- Khấu hao TSCĐ:	7-10 tỷ đồng	- Đầu tư tài chính, liên kết:	Tốt đa 150 tỷ đồng	- Doanh thu thuần:	900 tỷ đồng	- Lợi nhuận sau thuế:	80 tỷ đồng	- Cổ tức chia cho cổ đông:	30%-50%
- Doanh thu thuần:	180 tỷ đồng																				
- Lợi nhuận sau thuế:	28 tỷ đồng																				
- Cổ tức chia cho cổ đông:	30%-50%																				
- Đầu tư mua sắm TSCĐ:	7-10 tỷ đồng																				
- Khấu hao TSCĐ:	7-10 tỷ đồng																				
- Đầu tư tài chính, liên kết:	Tốt đa 150 tỷ đồng																				
- Doanh thu thuần:	900 tỷ đồng																				
- Lợi nhuận sau thuế:	80 tỷ đồng																				
- Cổ tức chia cho cổ đông:	30%-50%																				
4	Số: 01/2021/BB HĐQT/LHC	29/04/2021	<p>Quyết định: 5/5 thành viên HĐQT quyết định bầu: Ông: Lê Đình Hiến</p> <p>Giới tính: Nam</p> <p>Năm sinh: 07/4/1964; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam</p> <p>CMND số: 25041290, cấp ngày 14/12/2015 tại Công an Lâm Đồng.</p> <p>Nơi thường trú: số 70 Pasteur, phường 4, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.</p> <p>Giữ chức vụ chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng nhiệm kỳ 2021-2025.</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.</p>																		

Danh sách nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2021 (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
5	Số: 04/NQ/ HĐQT	15/05/2021	<p>Điều 1: Thống nhất thông qua nội dung phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng nhiệm kỳ 2021-2025 như sau:</p> <p>I. Ông Lê Đình Hiến - Chủ tịch HĐQT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ trách chung, chỉ đạo việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định của pháp luật có liên quan khác; - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT. Theo dõi, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, giám sát các mặt hoạt động của công ty; - Trực tiếp chỉ đạo công tác đầu tư, nghiên cứu chiến lược phát triển, dự án dài hạn; - Trực tiếp phụ trách công tác quan hệ cổ đông, cổ phần và công tác thi đua khen thưởng của công ty; - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của HĐQT. <p>2. Ông Trần Việt Thắng - Thành viên HĐQT không điều hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của HĐQT; - Trực tiếp phụ trách công tác: Tài chính kế toán, thống kê, tài sản của công ty; Đầu tư tài chính, kiểm tra giám sát và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn; Kiểm soát công nợ; - Công tác phát hành cổ phiếu ra công chúng và huy động vốn; - Tìm kiếm và phát triển các dự án đầu tư tại khu vực phía nam; - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của HĐQT <p>3. Ông Lý Chủ Hưng - Thành viên HĐQT không điều hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của HĐQT; - Trực tiếp phụ trách công tác: Định mức kinh tế - kỹ thuật, phối hợp với các thành viên HĐQT khác trong công tác kiểm soát giá thành; - Hỗ trợ công tác truyền thông, phát triển thương hiệu công ty; - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của HĐQT.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>4. Ông Trần Hùng Phương - Thành viên HĐQT không điều hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của HĐQT; - Phụ trách công tác truyền thông, phát triển thương hiệu công ty; - Trực tiếp phụ trách công tác tiền lương và đào tạo của công ty; - Theo dõi và tham vấn các nội dung liên quan đến chính sách phúc lợi đối với người lao động; - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của HĐQT. <p>5. Ông Phan Công Ngôn - Thành viên HĐQT độc lập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của HĐQT; - Theo dõi, giám sát và tham vấn các vấn đề liên quan đến pháp lý, pháp chế, kỹ thuật của công ty; - Hỗ trợ điều hành thực hiện công tác đối ngoại với các cơ quan ban ngành trung ương và địa phương, quan hệ cộng đồng, kết nối các nguồn lực bên trong và ngoài công ty; - Thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT độc lập; - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của HĐQT. <p>Điều 2: Thống nhất hoãn việc bầu Phó chủ tịch HĐQT công ty. Việc bầu chọn Phó chủ tịch sẽ được thực hiện trong thời gian tới.</p> <p>Điều 3: Thống nhất bổ nhiệm Ông Trần Xuân Tâm.</p> <p>Ngày, tháng, năm sinh: 06/7/1976</p> <p>Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật, cử nhân Anh văn</p> <p>CMND số: 250387621, ngày cấp: 16/7/2015, tại Công an Lâm Đồng</p> <p>Hộ khẩu thường trú: 58/34 Nguyễn Hữu cầu, phường 12, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.</p> <p>Giữ chức vụ Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty.</p> <p>Thời gian bổ nhiệm: 05 năm kể từ ngày ký hoặc khi có quyết định mới thay thế.</p> <p>Điều 4: Thống nhất thông qua nội dung và ban hành Quy chế công bố thông tin của công ty năm 2021.</p> <p>Điều 5: Thống nhất thông qua nội dung và ban hành Quy chế quản lý tài chính - Người đại diện vốn của Công ty tại các doanh nghiệp năm 2021.</p>

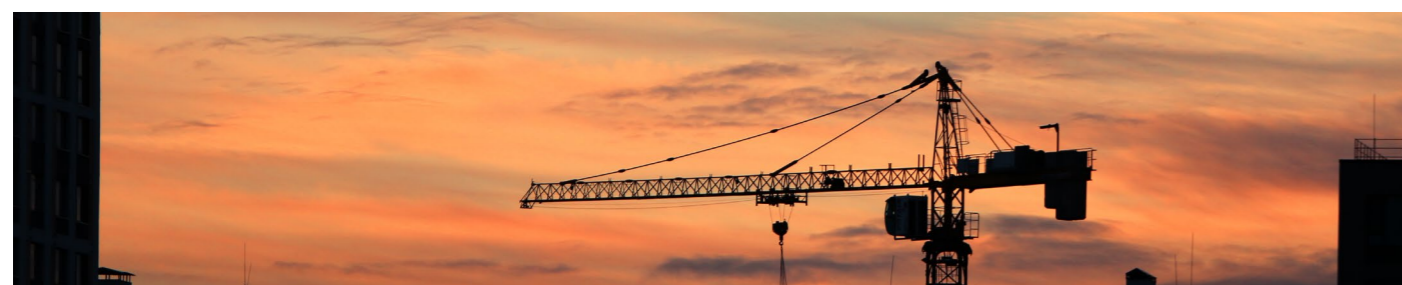
Danh sách nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2021 (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
6	Số: 41/2021/NQ HĐQT/LHC	07/7/2021	<p>Điều 6: Thống nhất cử người đại diện vốn của công ty tại các doanh nghiệp như sau:</p> <p>1. Cử người đại diện vốn của công ty tại Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng ("Công ty LBM").</p> <p>Số cổ phần nắm giữ của công ty hiện nay tại Công ty LBM là 6.490.086 cổ phần, chiếm tỷ lệ 64,9%/Vốn điều lệ công ty.</p> <p>Công ty cử người đại diện phần vốn của công ty như sau:</p> <p>Ông Lê Đình Hiến đại diện 3.245.043 CP, chiếm 50%</p> <p>Ông Lê Văn Quý đại diện 1.622.521 CP, chiếm 25%</p> <p>Ông Hầu Văn Tuấn đại diện 1.622.521 CP, chiếm 25%.</p> <p>2. Cử người đại diện vốn của công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40.</p> <p>Số cổ phần nắm giữ của công ty hiện nay tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40 là 1.836.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 51%/Vốn điều lệ công ty.</p> <p>Người đại diện phần vốn của công ty như sau:</p> <p>Ông Lê Đình Hiến đại diện 1.101.600 CP, chiếm 60%</p> <p>Ông Hầu Văn Quý đại diện 734.400 CP, chiếm 40%</p> <p>Ghi chú:</p> <p>- Khi công ty tăng hoặc giảm giá trị vốn cổ phần tại các công ty trên, thì tỷ lệ % đại diện vốn góp được giao cho các cá nhân trên vẫn không đổi.</p> <p>- Thời hạn đại diện vốn của công ty: Theo thời hạn nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị công ty mẹ, hoặc sự thay đổi của Hội đồng quản trị công ty mẹ, tùy điều kiện nào đến trước.</p> <p>Điều 7: Thống nhất nội dung kéo dài thời gian giữ chức vụ hiện nay của Ban điều hành và cán bộ quản lý công ty cho đến khi hoàn tất việc sáp nhập giữa Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40 trong quý 3/2021.</p> <p>Điều 8: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
7	Số: 05/2021/NQ HĐQT/LHC	08/9/2021	<p>Điều 1: Chọn đơn vị kiểm toán năm 2021 Hội đồng quản trị thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt nam là đơn vị thực hiện tư vấn, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và kiểm toán hợp nhất.</p> <p>Điều 2: Hội đồng quản trị thống nhất đầu tư 01 máy đào bánh xích Komatsu PC350-10 đời 2013 đã qua sử dụng. Dung tích gầu 1,4m³. Giá trị đầu tư: 2.550.000.000 đồng, bao gồm thuế VAT 10%.</p> <p>Điều 3: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
8	Số: 08/2021/NQ HĐQT/LHC	15/12/2021	<p>Điều 1: Thống nhất 100% nội dung và ban hành quy chế Kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng</p> <p>Điều 2: Thống nhất 100% hợp đồng tư vấn sáp nhập doanh nghiệp với giá trị 280.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT).</p> <p>Điều 3: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
9	Số: 90/2021/NQ HĐQT/LHC	30/12/2021	<p>Điều 1: Thống nhất cho Công ty LBM và L40 vay vốn để phục vụ công việc kinh doanh: - Hạn mức cho vay: Không quá 50 tỷ đồng - Chi tiết cho vay: ủy quyền Chủ tịch HĐQT giải quyết.</p> <p>Điều 2: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>

Đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm

- HĐQT thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc công tác quản trị doanh nghiệp, đầu tư xây dựng, phát triển kinh doanh chiến lược nhân sự theo đúng phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT dựa theo quy chế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- HĐQT duy trì họp định kỳ mỗi quý một lần theo quy định của Luật Chứng Khoán để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia của Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát. Công bố thông tin một cách công bằng, minh bạch, đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và cho Công ty trên phương diện pháp luật hiện hành.
- HĐQT hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm của từng thành viên, nâng cao vai trò tham mưu của các cấp lãnh đạo và các đơn vị trực thuộc. Các thành viên HĐQT hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa vì lợi ích của Công ty và người lao động.



Các cuộc họp của Ban kiểm soát năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Liên	Trưởng BKS	4	100%	-
2	Bà Phạm Thị Tâm	-	1	25%	Thôi TV BKS từ 25/04/2021
3	Ông Tô Văn An	-	1	25%	Thôi TV BKS từ 25/04/2021
4	Ông Lê Huy Sáu	TV. BKS	3	75%	TV BKS mới từ 25/04/2021
5	Bà Hoàng Thị Lụa	TV.BKS	3	75%	TV BKS mới từ 25/04/2021



Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2021, BKS có 03 thành viên, trong năm BKS đã thực hiện các công việc sau:

- Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo công ty hoạt động theo đúng luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trưởng BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT và đóng góp ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính năm 2020, năm 2021, tham gia lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
- Giám sát việc sử dụng vốn, cân đối vốn và quản lý dòng tiền; phân phối lợi nhuận.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Trình bày báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông.
- Phối hợp hoạt động giữa BKS với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, trong năm 2021 Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty.
- Ban kiểm soát đã có ý kiến đóng góp, đề xuất với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

1. Hoạt động của HĐQT

- HĐQT Công ty có 05 thành viên. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty; nội dung trong cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận một cách thẳng thắn, dân chủ và được thông qua khi đa số thành viên chấp nhận. Những nội dung thông qua trong cuộc họp được ban hành bằng các Nghị quyết/Quyết định đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- HĐQT đã thực hiện đúng chế độ công bố thông tin theo quy định Luật Chứng khoán.
- HĐQT đã chỉ đạo, định hướng Ban TGD trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Công ty

2. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Trong năm 2021, mặc dù gặp nhiều khó khăn doanh hưởng của dịch bệnh Covid-19; nhưng dưới sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận do ĐHĐCĐ năm 2021 đề ra.
- Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc đã chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Công ty.
- Ban TGD đã chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm tập thể và cá nhân, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ và HĐQT giao cho nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông.
- Ban TGD đang thực hiện nhiệm vụ đúng phạm vi trách nhiệm và quyền hạn theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty và Quy chế phân cấp giữa HĐQT và Ban TGD,...

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS công ty được quy định theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Mọi quan hệ phối hợp giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS là phối hợp theo chức năng nhiệm vụ.
- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc công ty đã hỗ trợ để Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ thông qua việc cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu về hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty và các Công ty con, các nghị quyết của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được HĐQT và Tổng Giám đốc phản hồi đầy đủ và kịp thời.
- Trong năm 2021, BKS luôn lắng nghe và phản hồi kịp thời những thắc mắc của cổ đông liên quan đến hoạt động của công ty. BKS không nhận được bất kỳ ý kiến nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Giao dịch với Công ty và Công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Nội dung giao dịch	Giá trị (đồng)
1	Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.547.729.156
		Mua hàng hóa và dịch vụ	14.368.760.321
		Nhận cổ tức	16.225.215.000
		Mua tài sản	2.580.000.000
		Thanh lý tài sản	454.545.455
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.270.016.364
		Mua hàng hóa và dịch vụ	9.478.199.499
		Nhận cổ tức	2.203.200.000
3	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.914.240.909


Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ và người có liên quan người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Hầu Văn Tuấn	Kế toán trưởng	106.000	1,47%	35.000	0,48%	Bán
2	Ông Trần Việt Thắng	TV. HĐQT	310.400	4,31%	224.600	3,12%	Bán
3	Bà Nguyễn Thị Liên	TV. BKS	51.200	0,71%	74.500	1,03%	Mua
4	Ông Lý Chủ Hưng	TV. HĐQT	10.800	0,15%	0	0	Bán
5	Bà Nguyễn Thị Mai Lan	Mẹ TV. HĐQT	665.000	9,23%	702.700	9,76%	Mua
6	Ông Đinh Văn Diệm	Em rể Chủ tịch HĐQT	66.500	0,92%	42.000	0,58%	Bán
7	Ông Trần Tuấn Tú	Con TV. BKS	2.900	0,04%	2.800	0,04%	Bán

Giao dịch của cổ đông lớn đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ và người có liên quan người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Shih, KuanTung	Cổ đông lớn	920.600	12,78%	1.008.600	14,01%	Mua
2	Bà Nguyễn Thị Mai Lan	Cổ đông lớn	665.000	9,23%	702.700	9,76%	Mua
3	Bà Trần Thị Bưởi	Cổ đông lớn	360.200	5,00%	276.200	3,83%	Bán

Lương, thưởng và khoản lợi ích từng TV. HĐQT, Ban TGD, các nhân viên chủ chốt và BKS trong năm 2021

STT	Tên cá nhân	Chức vụ	Thù lao (đồng)	Cổ tức (đồng)
Hội đồng quản trị				
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT Công ty	2.085.250.000	2.591.937.000
2	Ông Hầu Văn Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty đã miễn nhiệm	259.000.000	371.400.000
3	Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc Công ty	205.000.000	206.100.000
4	Ông Mai Nam Dương	Thành viên HĐQT Công ty đã miễn nhiệm	180.000.000	401.800.000
5	Ông Bùi Trung Trực	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty đã miễn nhiệm	140.000.000	156.600.000
6	Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT Công ty được bổ nhiệm ngày 25/04/2021	40.000.000	-
7	Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT Công ty được bổ nhiệm ngày 25/04/2021	40.000.000	-
8	Ông Phan Công Ngôn	Thành viên HĐQT Công ty được bổ nhiệm ngày 25/04/2021	40.000.000	-
9	Ông Nguyễn An Thái	Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	186.000.000	-
10	Ông Phạm Gia Sâm	Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	80.000.000	50.000.000
11	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	50.000.000	-
12	Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	96.000.000	-
13	Ông Hà Văn Minh	Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	40.000.000	-
14	Ông Hà Huy Khánh	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng 40	104.000.000	18.000.000
15	Ông Bùi Trung Thu	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng 40	59.000.000	900.000.000

STT	Tên cá nhân	Chức vụ	Thù lao (đồng)	Cổ tức (đồng)
Ban Tổng Giám đốc				
1	Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Công ty	485.250.000	-
2	Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc Công ty	365.250.000	148.500.000
3	Ông Hầu Văn Tuấn	Kế toán trưởng Công ty	425.250.000	-
4	Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	1.193.250.000	262.500.000
5	Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	602.450.000	-
6	Ông Lê Cao Quang	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	734.250.000	31.380.000
7	Ông Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	691.050.000	22.500
8	Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	755.250.000	7.500
9	Ông Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	666.050.000	-
10	Ông Lê Nam Đồng	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	672.250.000	2.106.000
11	Bà Dương Thị Ngọc Ngân	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	420.250.000	2.350.000
12	Ông Nguyễn Thành Toàn	Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	-	5.000
13	Ông Trần Huy Phong	Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	350.250.000	-
14	Ông Nguyễn Xuân Vinh	Kế toán trưởng Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	362.250.000	-
15	Ông Hồ Tấn Dũng	Giám đốc Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	420.000.000	-

Lương, thưởng và khoản lợi ích từng TV. HĐQT, Ban TGD, các nhân viên chủ chốt và BKS trong năm 2021

STT	Tên cá nhân	Chức vụ	Thù lao (đồng)	Cổ tức (đồng)
Ban Tổng Giám đốc				
16	Bà Phan Thị Thoa	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	194.000.000	-
17	Ông Hồ Sỹ Đồng	Giám đốc điều hành mô Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	135.000.000	-
18	Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đặc Nông	282.000.000	-
19	Ông Lê Văn Hải	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đặc Nông	156.000.000	-
20	Ông Bùi Duy Tiên	Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng 40	911.000.000	242.400.000
21	Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng 40	372.139.800	190.200.000
22	Ông Phạm Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng 40	88.031.000	-



STT	Tên cá nhân	Chức vụ	Thù lao (đồng)	Cổ tức (đồng)
Ban kiểm soát				
1	Bà Nguyễn Thị Liên	Trưởng BKS Công ty đã miễn nhiệm	36.000.000	238.400.000
2	Ông Lê Huy Sáu	Trưởng BKS Công ty	40.000.000	535.000.000
3	Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên BKS Công ty	16.000.000	768.600.000
4	Ông Trần Hùng Phương	Thành viên BKS Công ty	18.000.000	1.250.325.000
5	Bà Phạm Thị Tâm	Thành viên BKS Công ty	8.000.000	35.000.000
6	Ông Tô Văn An	Thành viên BKS Công ty	8.000.000	178.000.000
7	Ông Vũ Ngọc Phách	Trưởng BKS Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng đã miễn nhiệm	-	-
8	Bà Nguyễn Thị Thuý Nga	Trưởng BKS Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	80.000.000	-
9	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên BKS Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	54.000.000	-
10	Bà Nguyễn Thị Phú	Thành viên BKS Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	24.000.000	-
11	Ông Lê Thanh Hoà	Thành viên BKS Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	-	-
12	Ông Trần Đại Hiền	Thành viên BKS Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	24.000.000	-
13	Ông Phan Ngọc Sơn	Thành viên BKS Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	24.000.000	-
14	Ông Lê Nam Đồng	Thành viên BKS Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	24.000.000	-
15	Bà Nguyễn Thị Hoa	Trưởng BKS Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	64.000.000	-
16	Ông Hầu Văn Tuấn	Trưởng BKS Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40 đã miễn nhiệm	-	-
17	Bà Lê Thị Thủy	Thành viên BKS Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	186.050.307	-
18	Ông Dương Văn Vang	Thành viên BKS Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	24.000.000	-

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán viên

Báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 415/2022/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022 từ trang 05 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



Lê Võ Thùy Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
3525-2021-026-1

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		503.504.504.319	397.423.318.912
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	191.330.991.296	148.330.806.947
1. Tiền	111		61.295.546.934	40.792.726.391
2. Các khoản tương đương tiền	112		130.035.444.362	107.538.080.556
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		207.439.999.447	175.911.577.421
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	153.536.907.799	126.534.696.109
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	63.021.517.525	59.733.212.465
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.174.580.000	134.580.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	12.803.261.132	12.476.840.578
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(24.096.267.009)	(22.967.751.731)
III. Hàng tồn kho	140	4.6	96.339.827.518	68.971.122.954
1. Hàng tồn kho	141		97.890.632.387	70.521.927.823
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.393.686.058	4.209.811.590
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.13	5.837.944.894	3.127.523.598
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	2.555.741.164	1.082.287.992
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		407.404.901.631	336.127.139.967
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.939.407.747	1.647.811.256
1. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		211.319.330	
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	1.728.088.417	1.647.811.256
II. Tài sản cố định	220		368.865.964.262	303.644.763.492
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	328.751.209.916	275.834.707.996
Nguyên giá	222		782.390.237.733	671.579.288.710
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(453.639.027.817)	(395.744.580.714)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	40.114.754.346	27.810.055.496
Nguyên giá	228		45.072.208.099	32.453.542.599
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.957.453.753)	(4.643.487.103)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.369.870.022	6.591.052.605
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	9.369.870.022	6.591.052.605
IV. Tài sản dài hạn khác	260		27.229.659.600	24.243.512.614
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	24.790.371.864	22.512.267.149
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.18	2.439.287.736	1.224.706.168
3. Lợi thế thương mại	269		-	506.539.297
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		910.909.405.950	733.550.458.879

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		392.108.092.700	258.772.074.687
I. Nợ ngắn hạn	310		386.899.496.966	253.563.478.953
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	94.900.867.260	89.255.104.073
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	217.487.808.261	106.050.318.914
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	20.692.598.264	10.690.670.058
4. Phải trả người lao động	314		29.684.754.634	19.084.646.382
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	6.648.311.765	9.076.083.041
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	7.976.304.342	4.152.538.149
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	1.375.000.000	1.055.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.17	5.607.317.716	12.642.133.022
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.526.534.724	1.556.985.314
II. Nợ dài hạn	330		5.208.595.734	5.208.595.734
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	4.222.095.734	4.222.095.734
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.17	986.500.000	986.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		518.801.313.250	474.778.384.192
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	518.801.313.250	474.778.384.192
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		72.000.000.000	72.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		72.000.000.000	72.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.052.708.180	21.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		186.242.466.476	154.643.934.596
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.066.169.622	56.515.995.544
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		6.448.621.591	3.757.605.720
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.617.548.031	52.758.389.824
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		187.439.968.972	170.565.745.872
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		910.909.405.950	733.550.458.879


 Lê Văn Quý
 Tổng Giám đốc
 Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2022

 Hàu Văn Tuấn
 Kế toán trưởng

 Nguyễn Ngọc Dũng
 Người lập

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.055.441.387.175	867.260.334.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		501.846.582	372.329.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.054.939.540.593	866.888.005.671
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	846.352.793.277	680.742.465.288
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		208.586.747.316	186.145.540.383
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.223.171.398	2.808.581.778
7. Chi phí tài chính	22	5.4	661.897.394	283.722.051
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		121.999.961	99.165.342
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	2.664.174.044	2.338.852.150
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	100.353.310.091	76.523.434.172
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		107.130.537.185	109.808.113.788
11. Thu nhập khác	31	5.7	4.650.889.246	2.336.951.937
12. Chi phí khác	32		2.162.151.305	1.495.821.134
13. Lợi nhuận khác	40		2.488.737.941	841.130.803
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		109.619.275.126	110.649.244.591
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	21.569.033.757	19.641.187.351
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.10	(1.214.581.567)	320.061.002
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		89.264.822.936	90.687.996.238
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		60.017.548.031	61.419.563.282
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		29.247.274.905	29.268.432.956
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.4	8.216	8.476
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	4.18.4	8.216	8.476



Lê Văn Quý
 Tổng Giám đốc
 Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Hậu Văn Tuấn
 Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
 Người lập

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		109.619.275.126	110.649.244.591
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	69.999.583.916	57.364.694.928
Các khoản dự phòng	03		(5.906.300.028)	(3.239.065.362)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		51.339.516	(5.878.553)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.167.756.947)	(3.622.516.135)
Chi phí lãi vay	06	5.4	121.999.961	99.165.342
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh	08		171.718.141.544	161.245.644.811
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(30.917.540.680)	(22.750.340.966)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(27.368.704.564)	(5.147.676.056)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		164.452.364.489	39.763.226.761
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.278.104.715)	1.939.828.307
Tiền lãi vay đã trả	14		(121.999.961)	(99.165.342)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(27.140.447.001)	(20.799.130.184)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		104.460.206	(201.904.682)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		248.448.169.318	153.950.482.649
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(163.301.467.648)	(90.687.451.816)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.687.660.977	1.965.454.544
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.160.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		120.000.000	3.211.985.881
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.155.900.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.514.538.973	2.587.001.425
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(162.139.267.698)	(87.078.909.966)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	23.450.283.842	4.150.340.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(23.130.283.842)	(5.163.979.460)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.19.1	(43.524.910.000)	(28.920.693.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.204.910.000)	(29.934.332.793)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		43.103.991.620	36.937.239.890
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		148.330.806.947	111.406.493.389
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(103.807.271)	(12.926.332)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	191.330.991.296	148.330.806.947



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc
Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Hầu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 17 tháng 09 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp để tăng vốn điều lệ.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 72.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2021 là 794 (31/12/2020 là: 709).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Thi công các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.5. Các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ Phần Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	64,90%	64,90%
2.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP. HCM	51,00%	51,00%

Các công ty con gián tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	64,90%
2.	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	93,60%	60,74%
3.	Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.	100,00%	64,90%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tập đoàn được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tập đoàn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của các ngân hàng có giao dịch sau:
 - + Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

3.5. Nợ phải thu**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 – 16 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 12 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
▪ Cây lâu năm và tài sản khác	03 – 07 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế được chi tiết tại các vị trí như sau:

- Tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng: Đã trích khấu hao hết.
- Tại Xí nghiệp Hiệp Tiến: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại Xí nghiệp Thạnh Mỹ: Quyền sử dụng đất có thời hạn 12 năm và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Tại Xí nghiệp Hiệp Lực: Quyền sử dụng đất có thời hạn và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Tại 251-251A Đường Ung Văn Khiêm, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Thửa đất số: 79, Tờ bản đồ số: 12, Thôn Thuận Trung, xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2063 và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Thửa đất số: 64, Tờ bản đồ số: 5, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2056 và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Thửa đất số: 181, 185, 181 Tờ bản đồ số: 61, Thôn Thuận Nam, xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến 01/07/2064, trong đó có 1.636 m² sử dụng đến 15/10/2048 và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Thửa đất số: 65 Tờ bản đồ số: 5, Thửa đất số: 20 Tờ bản đồ số: 5, Thửa đất số: 11 Tờ bản đồ số: 5, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến các năm 2056 và đến 2057 và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Thửa đất số: 13, Tờ bản đồ số: 5, Thửa đất số: 64 Tờ bản đồ số: 5; Thửa đất số: 27 Tờ bản đồ số: 15, Thửa đất số: 84 Tờ bản đồ số: 16, Thửa đất số: 27 Tờ bản đồ số: 22, Thửa đất số: 63 Tờ bản đồ số: 5, Thửa đất số: 29 Tờ bản đồ số 22, Thửa đất số: 61 Tờ bản đồ số: 15, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến các năm 2056, đến 15/10/2056, đến 01/07/2064, đến 01/07/2064, đến 2050, đến 2050, đến 03/2058, đến 2050. Quyền sử dụng đất được

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

- Thửa đất số: 104 Tờ bản đồ số: 1, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2061 và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Thửa đất số: 119 Tờ bản đồ số: 56, Thửa đất số: 110 Tờ bản đồ số: 56, Thôn Thuận Nam, xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến 15/10/2044 và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan chi phí đền bù, cấp quyền khai thác mỏ, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ theo thời gian giấy phép khai thác mỏ từ 04 đến 21 năm;
- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.

3.11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Thời gian phân bổ lợi thế thương mại không quá 10 năm, bắt đầu kể từ ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con theo nguyên tắc: Việc phân bổ phải thực hiện dần đều qua các năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ ngay số lợi thế thương mại bị tổn thất trong kỳ phát sinh.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.17. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày tại mục 3.18 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.18. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.21. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu: 0%
- Trong nước: 10%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	923.802.465	1.084.248.826
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.371.744.469	39.708.477.565
Các khoản tương đương tiền	130.035.444.362	107.538.080.556
Cộng	191.330.991.296	148.330.806.947

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 3,2% đến 4,3%/năm tại ngày 31/12/2021.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	8.802.563.055
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng	18.669.775.635	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng Phát Triển Hạ Tầng Bình Thuận	7.515.410.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	12.685.817.296	-
Ban Quản lý Dự án ngành NN và PT Nông thôn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	5.502.482.085	5.188.085.188
Các khách hàng khác (*)	100.360.859.728	112.544.047.866
Cộng	153.536.907.799	126.534.696.109

(*) Tại ngày 31/12/2021, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	4.512.000.000	10.579.000.000
Trả trước cho người bán:		
Công ty Cổ phần Kinh doanh VMPC	9.429.714.250	-
Công ty TNHH Công nghệ mới Nguyễn Vinh Nguyễn Viết Lương	5.740.458.020	-
Công ty TNHH Trọng Tín Lâm Đồng	8.195.416.799	7.924.576.799
Các nhà cung cấp khác (*)	3.603.283.000	-
	31.540.645.456	41.229.635.666
Cộng	63.021.517.525	59.733.212.465

(*) Tại ngày 31/12/2021, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	5.913.146.539	-	4.064.599.039	-
Phải thu khách hàng mảng xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu người lao động	1.488.572.613	-	2.733.577.838	-
Phải thu khác	975.668.114	(83.170.158)	1.252.789.835	(58.132.038)
Cộng	12.803.261.132	(4.509.044.024)	12.476.840.578	(4.484.005.904)

Dài hạn:

Ký cược, ký quỹ	1.728.088.417	-	1.647.811.256	-
-----------------	---------------	---	---------------	---

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	22.678.041.400	3.090.818.415	19.445.981.307	962.235.480
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.510.785.638	1.741.614	5.132.043.261	648.037.357
Cộng	27.188.827.038	3.092.560.029	24.578.024.568	1.610.272.837

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì một số khách hàng không thể liên lạc và một số khách hàng đang tranh chấp.

(Xem tiếp trang sau)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND			Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
TT QLKT CT Công cộng huyện Đạ Đờn Công ty TNHH SX TM Dịch Vụ Bạch Việt	2.033.760.000	-	Trên 3 năm	2.033.760.000	-	Trên 3 năm	
Các khách hàng khác	16.352.503.983	3.092.560.029	Trên 3 năm	13.741.701.513	1.610.272.837	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	
Cộng	27.188.827.038	3.092.560.029		24.578.024.568	1.610.272.837		

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	39.941.104.805	-	30.396.447.532	-
Công cụ, dụng cụ	1.414.310.866	-	685.303.332	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.594.296.412	-	19.233.135.418	-
Thành phẩm	23.362.923.472	(835.242.862)	14.490.377.308	(835.242.862)
Hàng hóa	3.577.996.832	(715.562.007)	5.716.664.233	(715.562.007)
Cộng	97.890.632.387	(1.550.804.869)	70.521.927.823	(1.550.804.869)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí sửa chữa nhà 929 Cần Thơ	3.750.617.362	3.750.617.362
Dự án nhà Farm và lắp đặt tấm pin năng lượng Đắk Mil	-	1.614.101.091
Xây dựng hệ thống sân bãi mặt bằng Tây Đại Lào	3.767.979.730	-
Chi phí khác	1.851.272.930	1.226.334.152
Cộng	9.369.870.022	6.591.052.605

4.8. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	16.239.025.029	17.584.777.233
Chi phí sử dụng đất có thời hạn	7.680.712.229	2.171.225.460
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	870.634.606	2.756.264.456
Cộng	24.790.371.864	22.512.267.149

Trong đó, chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Quyền khai thác mỏ Tam Bồ	5.476.086	187.495.629
Quyền khai thác mỏ Cam Ly	-	112.072.182
Quyền khai thác mỏ Lộc Tân	281.912.063	1.016.222.807
Quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	1.042.674.751	821.789.182
Quyền khai thác mỏ Tutra	216.820.067	260.919.071
Quyền khai thác mỏ Đại Lào	14.692.142.062	15.186.278.362
Cộng	16.239.025.029	17.584.777.233

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2021	124.031.206.850	343.437.794.545	201.573.131.041	1.480.136.516	520.611.939	536.407.819	671.579.288.710
Mua trong năm	13.597.491.179	72.348.342.644	38.243.470.905	845.698.909	-	-	125.035.003.637
Thanh lý, nhượng bán	(1.139.084.748)	(7.369.763.304)	(5.375.868.181)	(339.338.381)	-	-	(14.224.054.614)
Tại ngày 31/12/2021	136.489.613.281	408.416.373.885	234.440.733.765	1.986.497.044	520.611.939	536.407.819	782.390.237.733
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2021	51.495.424.901	237.949.914.282	104.371.789.449	1.090.432.324	520.611.939	316.407.819	395.744.580.714
Khấu hao trong năm	8.712.901.011	30.248.261.082	30.486.256.267	238.198.906	-	-	69.685.617.266
Thanh lý, nhượng bán	(339.957.486)	(6.065.163.320)	(5.046.710.976)	(339.338.381)	-	-	(11.791.170.163)
Tại ngày 31/12/2021	59.868.368.426	262.133.012.044	129.811.334.740	989.292.849	520.611.939	316.407.819	453.639.027.817
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2021	72.535.781.949	105.487.880.263	97.201.341.592	389.704.192	-	220.000.000	275.834.707.996
Tại ngày 31/12/2021	76.621.244.855	146.283.361.841	104.629.399.025	997.204.195	-	220.000.000	328.751.209.916

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 259.010.614.291 VND.

25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí thâm dò hầm mỏ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2021	29.284.283.001	2.528.795.098	640.464.500	32.453.542.599
Mua trong năm	12.889.505.500	-	-	12.889.505.500
Giảm khác	(270.840.000)	-	-	(270.840.000)
Tại ngày 31/12/2021	41.902.948.501	2.528.795.098	640.464.500	45.072.208.099
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2021	1.552.300.780	2.528.795.098	562.391.225	4.643.487.103
Khấu hao trong năm	272.511.822	-	41.454.828	313.966.650
Tại ngày 31/12/2021	1.824.812.602	2.528.795.098	603.846.053	4.957.453.753
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	27.731.982.221	-	78.073.275	27.810.055.496
Tại ngày 31/12/2021	40.078.135.899	-	36.618.447	40.114.754.346

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.165.681.098 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Hòa Thành Tiến	7.243.902.935	7.243.902.935	8.342.541.145	8.342.541.145
Công ty CP Đầu tư LIMOKA	3.354.749.000	3.354.749.000	1.059.004.000	1.059.004.000
Công ty TNHH Hòa Hiệp	3.525.885.219	3.525.885.219	-	-
Công ty CP XD PT Hạ tầng Bình Thuận	8.399.952.054	8.399.952.054	-	-
Công ty CP ĐT & XD Công trình Tây Đô	3.094.603.941	3.094.603.941	2.335.845.057	2.335.845.057
Công ty TNHH Gạch không nung Thiên Tự Phước	7.359.694.006	7.359.694.006	6.550.427.467	6.550.427.467
Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị An Hưng	6.900.000.000	6.900.000.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	55.022.080.105	55.022.080.105	70.967.286.404	70.967.286.404
Cộng	94.900.867.260	94.900.867.260	89.255.104.073	89.255.104.073

(*) Tại ngày 31/12/2021, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PT Nông Thôn Lâm Đồng	92.035.264.999	20.480.358.525
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công trình công cộng huyện Lâm Hà	57.071.000.000	-
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh Tiền Giang	16.785.010.986	-
BQL Sở NN & PTNT tỉnh Bình Dương	19.650.000.000	24.312.442.686
Các khách hàng khác	31.946.532.276	61.257.517.703
Cộng	217.487.808.261	106.050.318.914

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2021		Trong năm		Tại ngày 01/01/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	5.949.396.774	7.498.876.806	36.926.830.939	35.374.357.296	3.127.523.598	3.124.529.987
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.419.858.884	1.754.019.431	21.569.033.757	27.140.447.001	413.759.131	5.319.332.922
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.959.766.278	4.847.426.939	4.027.701.750	6.537.080	1.146.578.169
Thuế tài nguyên	22.903.500	3.182.257.202	9.268.828.272	6.968.279.330	22.903.500	881.708.260
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	5.118.962.567	14.909.061.638	9.152.537.690	637.561.381	-
Các loại thuế khác	-	1.178.715.980	3.443.863.348	2.483.668.088	-	218.520.720
Các khoản phí, lệ phí	1.526.900	-	62.134.119	62.134.119	1.526.900	-
Cộng	8.393.686.058	20.692.598.264	91.027.179.012	85.209.125.274	4.209.811.590	10.690.670.058

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường	1.193.255.794	1.169.453.103
Trích trước giá vốn công trình xây dựng	3.858.873.636	6.015.837.702
Các khoản trích trước khác	1.596.182.335	1.890.792.236
Cộng	6.648.311.765	9.076.083.041

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	943.962.435	829.662.568
Khoản tạm giữ chờ quyết toán công trình	4.678.610.623	-
Phải trả ngắn hạn là bên liên quan	-	93.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.353.731.284	3.229.875.581
Cộng	7.976.304.342	4.152.538.149
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	329.650.000	329.650.000
Phải trả Công ty TNHH Hoàng Minh	2.392.445.734	2.392.445.734
Phải trả ông Bùi Trung Thu	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	4.222.095.734	4.222.095.734

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
4.16. Vay và nợ thuế tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	-	-	5.810.283.842	5.810.283.842	-	-
Vay ngắn hạn đối tượng khác	1.375.000.000	1.375.000.000	2.590.000.000	2.270.000.000	1.055.000.000	1.055.000.000
Cộng	1.375.000.000	1.375.000.000	8.400.283.842	8.080.283.842	1.055.000.000	1.055.000.000
Dài hạn:						
Vay các bên liên quan	-	-	15.050.000.000	15.050.000.000	-	-
Tổng cộng	1.375.000.000	1.375.000.000	23.450.283.842	23.130.283.842	1.055.000.000	1.055.000.000

(Xem tiếp trang sau)

31

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
4.17. Dự phòng phải trả

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	5.607.317.716	12.642.133.022
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ	986.500.000	986.500.000

4.18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.439.287.736	1.224.706.168

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
4.19. Vốn chủ sở hữu
4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	36.000.000.000	21.052.708.180	151.532.562.283	49.983.444.103	159.056.838.067	417.625.552.633
Tăng vốn trong năm trước	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	61.419.563.282	29.268.432.956	90.687.996.238
Chia cổ tức	-	-	-	(18.000.000.000)	(10.920.693.333)	(28.920.693.333)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	39.111.372.313	(39.111.372.313)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(389.551.418)	(69.019.930)	(458.571.348)
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	2.613.911.890	(6.769.811.888)	(4.155.899.998)
Tại ngày 01/01/2021	72.000.000.000	21.052.708.180	154.643.934.596	56.515.995.544	170.565.745.872	474.778.384.192
Lãi trong năm nay	-	-	-	60.017.548.031	29.247.274.905	89.264.822.936
Chia cổ tức	-	-	-	(32.400.000.000)	(11.124.910.000)	(43.524.910.000)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	31.598.531.880	(31.598.531.880)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(865.089.203)	-	(865.089.203)
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	396.247.130	(1.248.141.805)	(851.894.675)
Tại ngày 31/12/2021	72.000.000.000	21.052.708.180	186.242.466.476	52.066.169.622	187.439.968.972	518.801.313.250

33

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Vốn góp của các cổ đông	72.000.000.000	72.000.000.000

4.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	7.200.000	7.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	7.200.000	7.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.200.000	7.200.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.19.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	60.017.548.031	61.419.563.282
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(865.089.203)	(389.551.418)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	59.152.458.828	61.030.011.864
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	7.200.000	7.200.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	8.216	8.476

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngoại tệ các loại:		
USD	8.745,92	7.299,70
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Các khách hàng khác	3.856.779.443	3.856.779.443

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu thi công	928.612.639.117	690.484.658.680
Doanh thu kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	59.143.866.390	79.840.759.382
Doanh thu gồm sứ chịu lửa	30.045.337.006	27.498.670.709
Doanh thu gạch	21.374.521.370	49.472.790.195
Doanh thu cao lanh	12.029.520.466	19.963.455.796
Doanh thu điện năng lượng mặt trời	4.235.502.826	-
Cộng	1.055.441.387.175	867.260.334.762

Doanh thu năm nay tăng hơn năm trước chủ yếu là do sản lượng bê tông tiêu thụ trong năm tăng hơn 38% so với năm trước.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn thi công	778.962.976.796	563.694.195.521
Giá vốn kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	28.339.310.878	54.952.052.031
Giá vốn gồm sứ chịu lửa	22.126.819.386	19.142.793.735
Giá vốn gạch	6.685.083.312	27.900.461.033
Giá vốn cao lanh	8.939.113.509	15.052.962.968
Giá vốn điện năng lượng mặt trời	1.299.489.396	-
Cộng	846.352.793.277	680.742.465.288

Giá vốn hàng bán năm 2021 tăng chủ yếu là do doanh thu tăng như thuyết minh tại mục 5.1.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	1.514.538.973	2.587.001.425
Lãi chênh lệch tỷ giá	441.644.425	73.725.832
Chi phí tài chính khác	266.988.000	147.854.521
Cộng	2.223.171.398	2.808.581.778

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	121.999.961	99.165.342
Lỗ chênh lệch tỷ giá	507.224.904	159.811.141
Chi phí tài chính khác	32.672.529	24.745.568
Cộng	661.897.394	283.722.051

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	231.659.949	298.576.445
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.565.582.099	1.329.179.900
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.533.332	29.533.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.937.416	223.650.653
Chi phí bằng tiền khác	662.461.248	457.911.820
Cộng	2.664.174.044	2.338.852.150

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	66.035.344.740	45.497.141.252
Chi phí vật liệu quản lý	2.030.735.723	2.071.429.665
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.705.059.327	2.630.153.419
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.642.386.602	6.684.354.149
Thuế, phí và lệ phí	1.209.945.774	1.149.154.325
Chi phí dự phòng	1.128.515.278	604.120.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.208.808.050	3.311.276.193
Chi phí bằng tiền khác	14.392.514.597	14.575.804.313
Cộng	100.353.310.091	76.523.434.172

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay tăng hơn năm trước chủ yếu là chi phí nhân viên quản lý tăng do tăng đơn giá trích tiền lương trong quỹ lương kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.7. Thu nhập khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.466.945.217	1.188.691.675
Thu nhập từ bán đất đai	843.309.998	545.454.545
Hoàn trích dự phòng bảo hành công trình	1.416.522.489	-
Thu nhập khác	924.111.542	602.805.717
Cộng	4.650.889.246	2.336.951.937

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	529.841.246.018	342.502.720.909
Chi phí nhân công	172.704.854.239	125.426.265.461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.999.583.916	57.364.694.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.948.718.131	199.846.019.735
Chi phí khác bằng tiền	46.470.914.865	36.741.576.414
Cộng	969.965.317.169	761.881.277.447

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	109.619.275.126	110.649.244.591
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.255.795.452	3.608.468.806
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(2.636.045.528)	(3.059.707.007)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	110.239.025.050	111.198.006.390
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	22.047.805.010	22.239.601.278
Trừ: Thuế TNDN được ưu đãi	(556.670.897)	(10.220.959)
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị quyết 116/2020/QH14 của Quốc hội	-	(3.087.765.502)
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị quyết 406/NQ – UBTVQH15 của UBTV Quốc hội	(325.991.930)	-
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	403.891.574	499.572.534
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	21.569.033.757	19.641.187.351

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí khấu hao tài sản cố định vượt quá 1,6 tỷ, chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí không có chứng từ hợp lệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Tập đoàn và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho VND	Khấu hao TSCĐ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	(764.185.227)	(780.581.943)	(1.544.767.170)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	85.118.603	234.942.399	320.061.002
Tại ngày 01/01/2021	(679.066.624)	(545.639.544)	(1.224.706.168)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(1.317.148.308)	102.566.741	(1.214.581.567)
Điều chỉnh khác	-	(1)	(1)
Tại ngày 31/12/2021	(1.996.214.932)	(443.072.804)	(2.439.287.736)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	23.450.283.842	4.150.340.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(23.130.283.842)	(5.163.979.460)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Thi công công trình;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng và khai thác mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa;
- Sản xuất gạch;
- Khai thác và chế biến cao lanh;
- Điện năng lượng mặt trời

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Thị công trình		Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ VND	Góm sừ chịu lửa VND	Gạch VND	Cao lanh VND	Điện năng lượng mặt trời	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
	Năm 2021 VND	31/12/2021 VND							
Doanh thu thuần	983.955.130.812	103.104.376.710	30.045.337.006	47.319.312.615	12.029.520.466	4.235.502.826	(125.749.639.842)	1.054.939.540.593	
GVHB	835.675.035.141	65.951.286.395	22.126.819.386	32.410.849.636	8.939.113.509	1.299.489.396	(120.049.800.186)	846.352.793.277	
Lãi gộp	148.280.095.671	37.153.090.315	7.918.517.620	14.908.462.979	3.090.406.957	2.936.013.430	(5.699.839.656)	208.586.747.316	
Chi phí bán hàng	815.157.332	22.357.504	1.576.082.099	1.615.910	248.961.199	-	-	2.664.174.044	
Chi phí QLDN	82.936.500.758	1.487.484.761	3.874.272.538	6.356.366.306	2.309.992.559	2.882.153.871	506.539.298	100.353.310.091	
Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	64.528.437.581	35.643.248.050	2.468.162.983	8.550.480.763	531.453.199	53.859.559	(6.206.378.954)	105.569.263.181	
Doanh thu tài chính	19.563.738.690	30.827.497.962	-	2.380.448.425	-	232.503	(50.548.746.182)	2.223.171.398	
Chi phí tài chính	154.544.758	2.679.419.552	(17.396.940)	-	201.695	127.732	(2.154.999.403)	661.897.394	
Lợi nhuận HĐ tài chính	19.409.193.932	28.148.078.410	17.396.940	2.380.448.425	(201.695)	104.771	(48.393.746.779)	1.561.274.004	
Thu nhập khác	3.547.517.514	1.491.756.409	110.141.985	45.659.112	149.087.350	169.909	(693.443.033)	4.650.889.246	
Chi phí khác	957.495.832	368.876.870	1.446.543	28.732.770	1.473.146	804.126.144	-	2.162.151.305	
Lợi nhuận khác	2.590.021.682	1.122.879.539	108.695.442	16.926.342	147.614.204	(803.956.235)	(693.443.033)	2.488.737.941	
Tổng lợi nhuận trước thuế	86.527.653.195	64.914.205.999	2.594.255.365	10.947.855.530	678.865.708	(749.991.905)	(55.293.568.766)	109.619.275.126	
Chi phí thuế TNDN								21.569.033.757	
Chi phí thuế hoãn lại								(1.214.581.567)	
Lợi nhuận sau thuế								89.264.822.936	

39

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

Thị công trình	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ		Góm sừ chịu lửa	Gạch	Cao lanh	Điện năng lượng mặt trời	Tổng cộng
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 31/12/2021 VND					
Tài sản của bộ phận	919.128.026.463	78.248.771.652	22.802.239.727	35.911.939.005	9.129.536.787	24.325.436.096	908.470.118.214
Tài sản không phân bổ	2.439.287.736	-	-	-	-	-	2.439.287.736
Tổng tài sản	921.567.314.199	78.248.771.652	22.802.239.727	35.911.939.005	9.129.536.787	24.325.436.096	910.909.405.950
Nợ phải trả của bộ phận	375.254.012.378	25.959.424.537	7.564.758.001	11.913.966.838	3.028.769.861	2.475.145.796	392.108.092.700
Chi phí mua sắm tài sản	129.883.075.971	8.295.081.819	-	-	-	420.464.018	137.924.509.137
Chi phí khấu hao	59.259.445.576	5.844.947.054	857.918.848	2.214.286.860	478.894.015	2.431.378.848	69.999.583.916

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
6. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư tạm ứng, phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2021 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.3:		
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng (*)	4.512.000.000	10.579.000.000

(*) Đây là khoản ứng trước liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng các Thửa đất số 124, 239, 289, 132, 114, 127, 126 tại địa chỉ ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, với tổng diện tích 9.129,8 m².

	<u>Tại ngày 31/12/2021 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u>
Tạm ứng ngắn hạn:		
Ông Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc Tập đoàn	5.813.146.539	3.079.899.039
Ông Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	100.000.000	-
Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT Tập đoàn	-	984.700.000
Cộng – Xem thêm mục 4.4	5.913.146.539	4.064.599.039

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Vay		
Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT Tập đoàn	15.050.000.000	1.821.740.000

Tập đoàn nhận tiền từ các bên liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay từ các bên có liên quan không chịu lãi suất. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT Tập đoàn	2.085.250.000	1.043.800.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn đã miễn nhiệm	259.000.000	162.000.000
Ông Bùi Trung Trực – Thành viên HĐQT Tập đoàn đã miễn nhiệm	140.000.000	60.000.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT Tập đoàn đã miễn nhiệm	180.000.000	60.000.000
Ông Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc Tập đoàn	205.000.000	60.000.000
Ông Trần Việt Thắng – Thành viên HĐQT Tập đoàn được bổ nhiệm ngày 25/04/2021	40.000.000	-
Ông Lý Chủ Hưng – Thành viên HĐQT Tập đoàn được bổ nhiệm ngày 25/04/2021	40.000.000	-
Ông Phan Công Ngôn – Thành viên HĐQT Tập đoàn được bổ nhiệm ngày 25/04/2021	40.000.000	-
Ông Nguyễn An Thái – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	186.000.000	186.000.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	80.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Quang Trung – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	50.000.000	90.000.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	96.000.000	90.000.000
Ông Hà Văn Minh – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	40.000.000	40.000.000
Ông Hà Huy Khánh – Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng 40	104.000.000	36.000.000
Ông Bùi Trung Thu – Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng 40	59.000.000	36.000.000
Cộng	3.604.250.000	1.903.800.000

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Ông Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT Tập đoàn	485.250.000	289.500.000
Ông Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	365.250.000	217.500.000
Ông Lê Đình Hiền – Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm Tập đoàn	-	271.500.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Kế toán trưởng Tập đoàn	425.250.000	217.500.000
Ông Nguyễn An Thái – Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	1.193.250.000	1.019.250.000
Ông Trần Đại Hiền – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	602.450.000	493.250.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	734.250.000	566.250.000
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	691.050.000	569.250.000
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	755.250.000	601.250.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	666.050.000	599.250.000
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	672.250.000	561.050.000
Bà Dương Thị Ngọc Ngân – Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	420.250.000	-
Ông Nguyễn Thành Toàn - Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	-	413.250.000
Ông Trần Huy Phong - Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	350.250.000	352.250.000
Ông Nguyễn Xuân Vinh - Kế toán trưởng Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	362.250.000	314.250.000
Ông Hồ Tấn Dũng - Giám đốc Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	420.000.000	420.000.000
Bà Phan Thị Thoa - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	194.000.000	90.000.000
Ông Hồ Sỹ Đồng - Giám đốc điều hành mở Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	135.000.000	132.000.000
Ông Nguyễn Hữu Dũng - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông	282.000.000	166.000.000
Ông Lê Văn Hải - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông	156.000.000	164.000.000
Ông Bùi Duy Tiên – Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng 40	911.000.000	443.522.800
Ông Nguyễn Văn Sơn – Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng 40	372.139.800	705.904.000
Ông Phạm Văn Toàn – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng 40	88.031.000	-
Cộng	10.281.220.800	8.606.726.800

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT Tập đoàn	2.591.937.000	1.512.853.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn đã miễn nhiệm	371.400.000	322.000.000
Ông Bùi Trung Trực – Thành viên HĐQT Tập đoàn đã miễn nhiệm	156.600.000	86.200.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT Tập đoàn đã miễn nhiệm	401.800.000	180.000.000
Ông Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc	206.100.000	114.500.000
Ông Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	148.500.000	82.500.000
Ông Nguyễn An Thái – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	262.500.000	262.500.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	50.000.000	50.000.000
Ông Nguyễn Quang Trung – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	-	45.250.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	-	1.250.325.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ông Trần Đại Hiền – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	-	4.375.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	31.380.000	31.380.000
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	22.500	22.500
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	7.500	7.500
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	5.000	5.000
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	2.106.000	15.000
Bà Dương Thị Ngọc Ngân – Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	2.350.000	-
Ông Hà Huy Khánh – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	18.000.000	12.000.000
Ông Bùi Trung Thu – Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	900.000.000	600.000.000
Ông Bùi Duy Tiên – Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	242.400.000	161.600.000
Ông Nguyễn Văn Sơn – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	190.200.000	126.800.000
Cộng	5.575.308.000	4.842.333.000

9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bà Nguyễn Thị Liên – Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn đã miễn nhiệm	36.000.000	60.000.000
Ông Lê Huy Sáu – Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn	40.000.000	-
Bà Hoàng Thị Lụa - Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn	16.000.000	-
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn	18.000.000	-
Bà Phạm Thị Tâm – Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn	8.000.000	24.000.000
Ông Tô Văn An – Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn	8.000.000	24.000.000
Ông Vũ Ngọc Phách – Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng đã miễn nhiệm	-	50.000.000
Bà Nguyễn Thị Thuý Nga – Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	80.000.000	40.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	54.000.000	54.000.000
Bà Nguyễn Thị Phú – Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Thanh Hoà – Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	-	30.000.000
Ông Trần Đại Hiền - Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	24.000.000	24.000.000
Ông Phan Ngọc Sơn - Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Nam Đồng - Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	24.000.000	24.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bà Nguyễn Thị Hoa – Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	64.000.000	67.400.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40 đã miễn nhiệm	-	125.887.600
Bà Lê Thị Thủy – Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	186.050.307	184.542.400
Ông Dương Văn Vang – Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	24.000.000	24.000.000
Cộng	630.050.307	779.830.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bà Nguyễn Thị Liên – Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn	238.400.000	188.800.000
Bà Phạm Thị Tâm – Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn	35.000.000	35.000.000
Ông Tô Văn An – Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn	178.000.000	172.500.000
Bà Nguyễn Thị Phú – Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	-	13.000.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn	1.250.325.000	7.250.000
Ông Lê Huy Sáu - Trưởng Ban Kiểm soát	535.000.000	-
Bà Hoàng Thị Lụa - Thành viên Ban Kiểm soát	768.600.000	-
Cộng	3.005.325.000	416.550.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang chưa tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Tập đoàn đến 31/12/2021 nhưng Tập đoàn cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Hầu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Lê Đình Hiền